

Số: 63/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia
năm 2024 tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 6 Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 6 Về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1602/QĐ-TTg ngày
10/12/2023 Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, số 1603/QĐ-
TTg ngày 11/12/2023 Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước
năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 400/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia
năm 2024 là **9.136,497 tỷ đồng** (trong đó: *Vốn đầu tư phát triển 8.700,061 tỷ
đồng; vốn sự nghiệp 436,436 tỷ đồng*), gồm:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, cụ thể:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương là 692,784 tỷ đồng;

- Vốn xổ số kiến thiết là 28 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 6.600 tỷ đồng (trong đó:
*Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất để thực hiện năm 2024 là 5.870 tỷ đồng;
kinh phí sử dụng đất thực hiện ghi thu - ghi chi BTGPMB nội dung đã thực
hiện 730 tỷ đồng*);

- Kinh phí BTGPMB ứng trước của nhà đầu tư từ tiền thuê đất thực hiện
ghi thu - ghi chi là 415 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương, cụ thể:

Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước) - vốn đầu tư phát triển là 387,120 tỷ đồng; vốn đầu tư phát triển các chương trình mục tiêu quốc gia là 577,157 tỷ đồng; vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia là 436,436 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho tỉnh là 245,120 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 142 tỷ đồng.
- Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách trung ương: vốn đầu tư phát triển là 577,157 tỷ đồng (*trong đó bao gồm 28,373 tỷ đồng vốn nước ngoài ODA thuộc CTMTQG nông thôn mới*); vốn sự nghiệp 436,436 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các biểu số 1, 2, 3a, 3b, 3c, 4 và phụ lục chi tiết các CTMTQG kèm theo)

Điều 2. Khi phân bổ chi tiết, bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn của các dự án trong kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ gần nhất.

Bãi bỏ nội dung: “Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đã phân bổ theo kế hoạch năm 2023 đến ngày 31/01/2024 (đối với kế hoạch năm 2023) thuộc đối tượng được phép kéo dài thời gian thực hiện chưa giải ngân hết: Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo phân cấp ngân sách, nhưng không quá ngày 31/12/2024 (đối với kế hoạch năm 2023)” tại Điều 2, Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các sở, cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Thường trực: Huyện ủy, thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

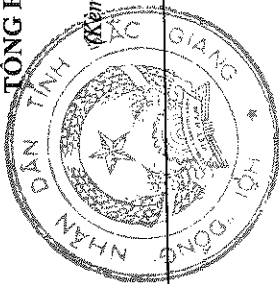


Lê Thị Thu Hồng

HỆ THỐNG BIỂU
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

*(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

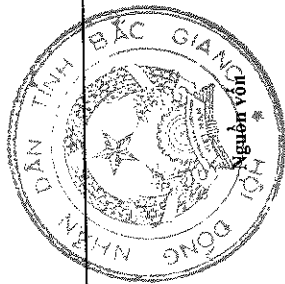
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024
TỈNH BẮC GIANG



Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

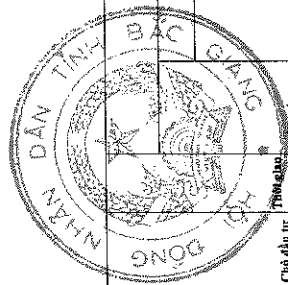
STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023				KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024- 2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)							
		10.005.309	9.586.672	418.637	41.145.231	15.586.406	9.136.497	8.700.061	436.436		
	TỔNG SỐ	10.005.309	9.586.672	418.637	41.145.231	15.586.406	9.136.497	8.700.061	436.436		
I	Vốn ngân sách nhà nước										
	Trong đó:										
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	6.738.340	6.738.340		33.107.688	13.688.214	7.735.784	7.735.784			
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tính điểm do TW cân đối cho tỉnh (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	647.440	647.440		3.504.700	1.625.214	692.784	692.784			
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	6.000.000	6.000.000		29.420.000	12.000.000	6.600.000	6.600.000		TW giao năm 2024 tại QĐ 1603/QĐ-TTg 11/12/2023	
	Trong đó:										
	+ Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						5.870.000	5.870.000		Chỉ tiết ở Biểu số 02	
	+ Kinh phí sử dụng đất thực hiện ghi thu - ghi chi BTGPMB (nội dung đã thực hiện)						730.000	730.000		Thực hiện cân đối ghi thu - ghi chi (nội dung đã chi) theo số liệu dự toán của cơ quan tài chính	



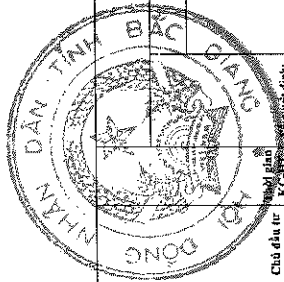
STT		Kế hoạch vốn năm 2023				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số				Trong đó:			
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)		
-	Kinh phí BTGPMB ứng trước của nhà đầu tư từ tiền thuế đất thực hiện ghi thu - ghi chi								415.000	415.000		Thực hiện cân đối ghi thu - ghi chi (nội dung đã chi) theo số liệu dự toán của cơ quan tài chính
-	Xổ số kiến thiết	25.000	25.000		140.000		63.000	28.000	28.000			
-	Bội chi ngân sách địa phương, trong đó:	65.900	65.900		42.988							
	+ Vốn ODA do địa phương vay lại	65.900	65.900		42.988							Vốn trung hạn được tính bằng số KH vay lại theo tỷ lệ cấp phát hàng năm
2	Vốn ngân sách trung ương	3.266.969	2.848.332	418.637	8.037.543	447.000	1.898.193	1.400.713	964.277	436.436		
2.1	Vốn trong nước	2.067.500	2.067.500		7.563.293	447.000	730.038	387.120	387.120			
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo các chương trình của tỉnh (theo tiêu chí cho tỉnh)	1.532.500	1.532.500		4.260.658		518.038	220.120	220.120			
	+ Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	199.055	199.055		418.958							
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo chương trình phát triển liên vùng trên địa bàn tỉnh từ ngân sách trung ương	300.000	300.000		1.100.000							



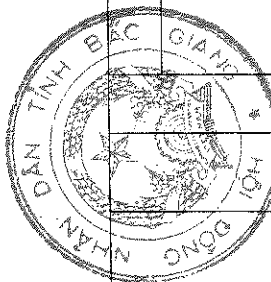
STT		Kế hoạch vốn năm 2023				KH đầu tư trung hạn 2021-2025	KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)								
	- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	235.000	235.000			377.000	142.000	142.000	142.000		Không bao gồm cả bổ sung trung hạn 44 tỷ đồng bổ sung đầu tư 8 trăm tỷ để đang trình bổ sung vốn năm 2023	
	- Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 từ ngân sách trung ương					70.000	70.000	25.000	25.000		Bổ sung trung hạn NSTW dự án Chùa Vĩnh Nghiêm 70 tỷ	
2.2	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	994.343	575.706	418.637	2.202.635		1.141.736	1.013.593	577.157	436.436		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	305.522	251.506	54.016	1.042.664		545.888	303.031	248.038	54.993		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	246.193	126.090	120.103	368.908		153.806	221.878	103.496	118.382		
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	442.628	198.110	244.518	791.063		442.042	488.684	225.623	263.061	KH vốn ODA hàng năm tính bằng số thực giải ngân của các dự án; KH năm 2024 các dự án không có nhu cầu	
2.3	Vốn nước ngoài (ODA)	205.126	205.126		474.250		26.419					
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương	166.336	166.336									
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương	38.790	38.790								KH năm 2023 không sử dụng hết, tỉnh Bắc Giang đã trình TW điều chỉnh giảm 38.790 tỷ đồng	
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư											



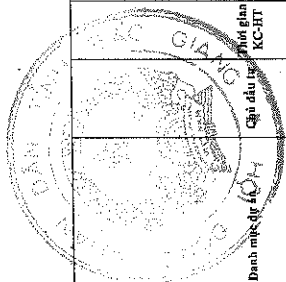
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã bố trí năm 2023 (theo gói và vốn CDDT)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024				Ghi chú			
				Tổng mức đầu tư				Tổng mức đầu tư					Vốn CDDTS tỉnh	Trong đó						
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS, NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu từ đất đai	Vốn từ nguồn thu từ đất đai để lại các huyện, thành phố (bên ngoài cấp xã)					
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		2021-2025									185.200	185.200	60.000						
3	Đổi ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		2021-2025									25.000	25.000	20.000	20.000					
4	Đổi ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030		2021-2025									80.000	80.000	95.000	95.000					
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông nông thôn, cầu đường trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2024		2022-2024		150.000							103.400	103.400	46.600	46.600					
(1)	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông nông thôn, cầu đường trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Động, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	2022-2024	448/QĐ-UBND, 14/02/2022	72.000	79.703						46.600	46.600	25.400	25.400					
(2)	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông nông thôn, cầu đường trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	2022-2024	408/QĐ-UBND, 28/01/2022		22.955						17.500	17.500	7.500	7.500					
(3)	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông nông thôn, cầu đường trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2022-2024	1464/QĐ-UBND, 04/3/2022	41.000	46.302						27.300	27.300	13.700	13.700					
(4)	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông nông thôn, cầu đường trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	2022-2024	7900/QĐ-UBND, 15/11/2021	12.000	14.613						12.000	12.000							



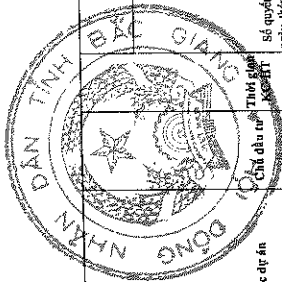
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã bỏ hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CDDT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024				Ghi chú
		Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TTCF)	Vốn ODA, Vốn khác	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó: NSU	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó		
				Vốn NSTW (gồm: NSTW, TTCF)	Vốn ODA, Vốn khác									Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
6	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (bổ trợ từ ngân sách tỉnh 01 tỷ đồng/xã)	UBND các huyện, xã	1233/QĐ-UBND, 21/6/2021	368.000	184.000					90.000	96.000	44.000	44.000	44.000		Nguồn tài trợ: Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lập kinh phí, các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
	Thị trấn phố Bắc Giang				4.000					2.000	2.000	3.000	3.000	3.000		
	Huyện Việt Yên				3.000					8.000	8.000	4.000	4.000	4.000		
	Huyện Hiệp Hòa				2.000					12.000	12.000					
	Huyện Yên Dũng				4.000					8.000	8.000					
	Huyện Lạng Giang				5.000					11.000	11.000	7.000	7.000	7.000		
	Huyện Tân Yên				6.000					12.000	12.000	1.000	1.000	1.000		
	Huyện Yên Thế				5.000					12.000	12.000	11.000	11.000	11.000		
	Huyện Lục Nam				6.000					10.000	10.000	14.000	14.000	14.000		
	Huyện Lục Ngạn				5.000					10.000	10.000	4.000	4.000	4.000		
7	Hỗ trợ kinh phí huyện Lục Ngạn theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương tiếp tục đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn.	2022-2024		5.662.382	4.093.880					100.000	100.000	50.000	50.000	50.000		Trên địa bàn tỉnh năm 2023, số vốn 2025 của tỉnh từ kết quả năm 2024
V	LĨNH VỰC GIAO THÔNG									3.293.280	2.171.280	1.112.712	180.150	932.562	932.562	
*	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024			2.023.915	923.915	1.100.000				1.603.798	503.798	239.802	14.800	225.002	225.002	



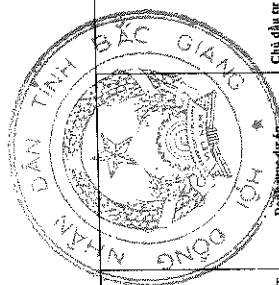
STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã hết hạn năm 2023 (theo gồm cả vốn CBFT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024						Ghi chú				
			Tổng mức đầu tư						Tổng mức đầu tư						Trong đó										
			Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TTCT)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư ngoài ưu tiên sử dụng		Vốn bổ sung cho đầu tư ưu tiên sử dụng							
1	Đường nối QL37 - QL17 - Vẽ Nhại (Thị trấn Nguyễn), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715	1.100.000								1.220.800	120.800	14.800	134.800	120.000						Thị trấn Nguyễn, xã Vẽ Nhại, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	
2	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-UBND ngày 16/5/2022	571.200	571.200									382.998	382.998		105.002	105.002							
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			2.385.497	2.385.497								111.710	1.351.833	1.351.833	146.000	701.967	555.967							
1	Nút giao liên thông tại thị trấn Việt với các xã Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-UBND, 21/12/2021	211.035	211.035									149.600	149.600		32.000	32.000							Thị trấn Việt, xã Lạng Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
2	Xây dựng cầu Đổng Việt và đường dân bản cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-UBND, 29/11/2021	1.492.478	1.492.478									933.233	933.233		397.967	397.967							Thị trấn Việt, xã Yên Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bắc Hà qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Ngô Đồng Bắc	UBND huyện Yên Thế	2022-UBND ngày 15/11/2021	260.000	260.000									133.800	133.800	101.000	101.000			101.000					Thị trấn Bắc Hà, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang



STT	Đánh mục dự án	Cấp đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã bố trí năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú
			Tổng mức đầu tư				Tổng mức đầu tư				Trong đó		Trong đó					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, Vốn ODA, Vốn khác)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, Vốn ODA, Vốn khác)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CBDS tỉnh	Tổng số	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		
																Vốn từ nguồn thu của sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)	Vốn xã số kiểm thiết	
4	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp	2022-2025 (chuyên năm 2023 KCM)	3243/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	126.575	126.575	1223/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	111.710	111.710	26.600	26.600	45.000	36.000	36.000	36.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất của sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)	Vốn xã số kiểm thiết	
5	Đầu tư xây dựng ĐT295 đoạn cầu Bến Tuấn đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu B1 Ngã, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp	2023-2026	1116/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	175.300	175.300				70.600	70.600	25.000	25.000	25.000	25.000			Đầu tư xây dựng ĐT295 đoạn cầu Bến Tuấn đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu B1 Ngã, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
6	Xây dựng cầu Đồng Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp	2023-2025	1076/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	75.000	75.000				25.000	25.000	38.000	38.000	38.000	38.000			Xây dựng cầu Đồng Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
7	Xây dựng cầu vượt dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Văn Trung, huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp	2023-2025	1178/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	45.109	45.109				13.000	13.000	27.000	27.000	27.000	27.000			Xây dựng cầu vượt dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Văn Trung, huyện Việt Yên
*	Hỗ trợ ngân sách các huyện				1.252.970	784.468	485.637	409.957	204.979	337.650	315.650	170.943	19.350	151.593	151.593			Hỗ trợ ngân sách các huyện
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Lạng Giang																	Hỗ trợ ngân sách huyện Lạng Giang
1	Đường kết nối từ ĐT292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lạng Giang	2022-2025	2578/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	409.957	409.957	1290/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	409.957	204.979	51.650	29.650	82.432	19.350	63.082	63.082			Đường kết nối từ ĐT292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Hiệp Hòa																	Hỗ trợ ngân sách huyện Hiệp Hòa
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp	2021-2024	7869/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa	482.964	150.000	350.000			115.000	115.000	35.000	35.000	35.000	35.000			Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa



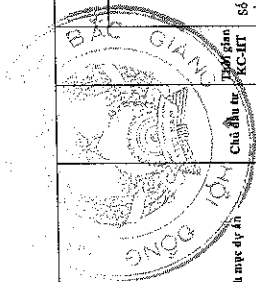
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lấy kế hoạch vốn đã hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CHDRT)				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư					Tổng mức đầu tư					Vốn bổ sung cho đầu tư ngoài thu tiền sử dụng đất				Trong đó						
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành					Vốn CDNS tỉnh				Nguồn tài trợ						
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Tổng số	Vốn từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và ODP khác (ngoài đất cấp xã)	Vốn từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và ODP khác (ngoài đất cấp xã)	Vốn xã số				
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Lục Nam																					
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sơn đi cầu Già Khê), thị trấn Bắc Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	110.000	110.300	1483/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Lục Nam	220.300	110.000														
	Hỗ trợ ngân sách huyện Sơn Động																					
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rỗ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	2022-2025	UBND huyện Sơn Động	76.000	18.848	512/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Động	94.749	76.000														
2	Xây dựng cầu thép Trại Chấn di Khe Tân, xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	38.511	6.489	169/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Động	45.000	38.511														
VI	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PNT																					
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024																					
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cẩm Sơn, Khôn Thôn, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn	2021-2023; 2024	Công ty TNHH MTV XTCTTL Bắc Sông Thương	23.250		509/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	23.250	23.250														
VII	LĨNH VỰC VĂN HÓA, PHÁP THẠCH TRUYỀN HÌNH																					
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024																					
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	2023-2024	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	39.960		3467/QĐ-UBND, 23/12/2022	39.960	39.960														

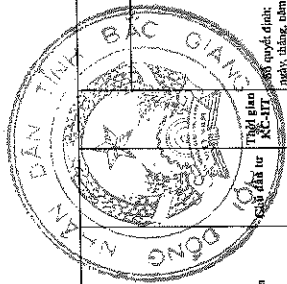


STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã bỏ hết năm 2022 (tổng gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư				Trong đó		Trong đó						
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư ngoài thu địa phương	Vốn từ ngân sách tỉnh		Vốn từ ngân sách địa phương để tiếp tục thực hiện dự án
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			540.769	540.769										212.400	212.400	248.000	25.000	223.000	223.000		
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	2659/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	540.769	540.769									212.400	212.400	248.000	25.000	223.000	223.000		
VIII	LĨNH VỰC Y TẾ				835.712	397.413	263.000								84.848	13.916	70.932			10.000		28.000
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				731.492	347.693	263.000								436.080	143.500	100.080	100.000				
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	2262/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	219.708	219.708									141.900	141.900	60.000	60.000				XII và 2024 cơ cấu đầu tư 60% đồng là hoặc thành ủy
2	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	2263/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	205.146	84.347									149.900	400	6.500	6.500				Đã hết kế hoạch vốn năm 2021-2022 của dự án
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3294/QĐ-UBND, 28/11/2022	120.638	20.638	100.000								50.500	500	15.500	15.500				NSTW 2022-2024 và 2025 của dự án được phân bổ cho năm 2024 NSTW và 2025 NSTW
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3465/QĐ-UBND, 22/12/2022	186.000	23.000	163.000								93.700	700	18.000	18.000				NSTW 2021-2024 và 2025 của dự án được phân bổ cho năm 2024 NSTW và 2025 NSTW
*	Dự án khởi công mới năm 2024				43.575	43.575									200	200	38.000	10.000	10.000			28.000

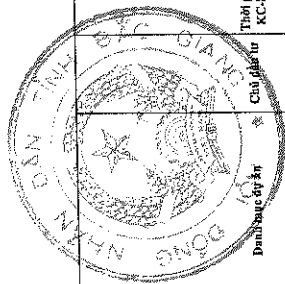
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh						Lập kế hoạch vốn đã hết năm 2023 (tổng gồm cả vốn CDB/T)				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư						Tổng mức đầu tư						Vốn bổ sung cấp đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất				Vốn bổ sung cấp đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CDNS tỉnh	Tổng số	Tổng số	Vốn bổ sung cấp đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn bổ sung cấp đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất			
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế các Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang	43.575	43.575				1799/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	43.575	43.575				200	200		38.000	10.000			28.000		
*	Đầu tư dự án ODA thuộc lĩnh vực y tế	60.645	6.145					84.848	13.916	70.932			38.066	2.600	9.000	9.000						
1	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các Trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển nông thôn mới và cơ sở y tế công cộng tại xã vùng khó khăn và vùng biên giới tỉnh Bắc Giang	60.645	6.145				2564/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	84.848	13.916	70.932			38.066	2.600	9.000	9.000						
IX	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	417.931	365.931	52.000				169.446	117.446	52.000			232.850	180.850	117.100	117.100						
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024	167.446	115.446	52.000				169.446	117.446	52.000			146.650	94.650	12.500	12.500						
1	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	105.446	105.446				2264/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	105.446	105.446				94.350	94.350	5.500	5.500						
2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cầm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	62.000	10.000	52.000			2295/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	64.000	12.000	52.000			52.300	300	7.000	7.000						
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024	205.633	205.633									85.900	85.900	89.600	89.600							
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	70.996	70.996				2912/QĐ-UBND ngày 09/9/2022					27.400	27.400	33.000	33.000							

STT	Danh mục dự án	Cấp đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã bố trí năm 2023 (bao gồm cả vốn CBBT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư				Tổng mức đầu tư				CBBT		Vốn CDNS tỉnh	Trong đó					
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số	Vốn bổ sung cho đầu tư phát triển từ nguồn tài sản sử dụng đất	Trong đó		
																		Vốn bổ sung cho đầu tư phát triển từ nguồn tài sản sử dụng đất		Vốn từ ngân sách tỉnh để lại





STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh				Tạm kế hoạch vốn đã bố trí năm 2023 (bao gồm cả vốn CBOT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Chú thích																																																																																																																																																																																																																																																																																			
		Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư			Số quyết định, nghị, bằng, năm ban hành	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ODA	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó		Vốn số	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn số	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất																																																																																																																																																																																																																																																																											
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)															Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)

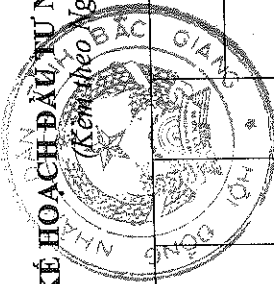


STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lấy kế hoạch vốn đã hết hạn năm 2023 (bao gồm cả vốn CBPT)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024				Chi chi	
			Tổng mức đầu tư				Tổng mức đầu tư					Vốn CDNS tỉnh	Trong đó		Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn tài sản sử dụng đất		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCF)	Vốn ODA	Vốn khác	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ODA			Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NS
I	TRÍCH QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH; QUỸ ĐẦU TƯ; ĐIỀU TIẾT NS TỈNH ĐỂ CHỈ BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ																
	Trong đó:																
1	Trích lập quỹ phát triển đất	2024															
2	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	2024															
3	Kinh phí sử dụng đất thực hiện giải tỏa - giải cứu (quỹ đang đã thực hiện) BTGPMB																
4	Bổ sung cho đầu tư cho các dự án cấp thiết của tỉnh	2023															
II	VỐN TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THANH PHỐ ĐỀ ĐẦU TƯ																
1	Thành phố Bắc Giang																
2	Huyện Việt Yên																
3	Huyện Hiệp Hòa																
4	Huyện Yên Dũng																
5	Huyện Lạng Giang																
6	Huyện Tân Yên																
7	Huyện Yên Thế																
8	Huyện Lục Nam																
9	Huyện Lục Ngạn																
10	Huyện Sơn Động																

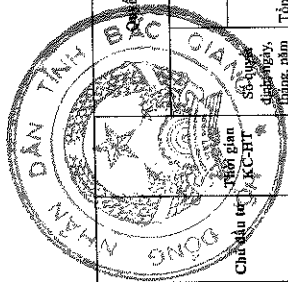
Biểu số 3a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG

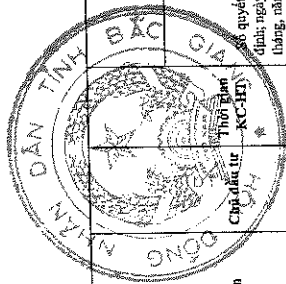
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)



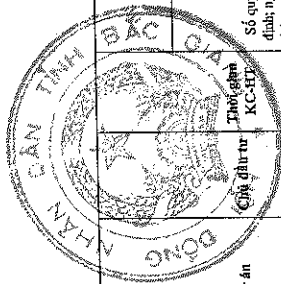
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đang đề xuất bổ sung vốn và điều chỉnh tăng KH trung hạn 2021-2025				Chỉ chủ
				Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Chia đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước				
	TỔNG SỐ			5.145.117	861.867	4.248.207			2.595.593	3.902.090	3.516.872	220.120	220.120	133.026	133.026							
A	VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU THEO TIÊU THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH (theo tiến chỉ lĩnh điểm cho tỉnh)			3.692.402	509.152	3.148.207			2.595.593	2.802.090	2.416.872	220.120	220.120	133.026	133.026							
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			2.688.838	85.680	2.568.114			1.936.077	1.994.290	1.725.872	133.320	133.320	94.787	94.787							
1	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024			1.348.823	60.814	1.287.964			1.235.287	1.140.500	1.133.407	7.093	7.093	94.787	94.787							
1.1	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bô Hia đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	2458/QĐ-UBND, 10/12/2020; 2557/QĐ-UBND, 24/12/2020	158.087	157.487			149.300	133.300	133.300			16.000	16.000					KH trung hạn 2021-2025 để giải ngân CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để bổ sung vốn dự án		
1.2	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	2438/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	543.143	2.000	541.143		495.926	459.600	459.600			36.326	36.326					KH trung hạn 2021-2025 để giải ngân CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để bổ sung vốn dự án		
1.3	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Nêu đi Việt Yên)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	2556/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	277.534	1.200	276.334		277.361	234.900	234.900			42.461	42.461					KH trung hạn 2021-2025 để giải ngân CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để bổ sung vốn dự án		



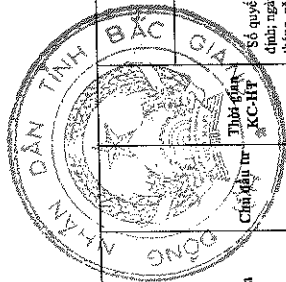
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đang để xuất bổ sung vốn và điều chỉnh tăng KH trung hạn 2021-2025				Chú thích
			Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước				
1.4	Chỉ đạo, nâng cấp DT291 trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2554/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	369.759	57.614	312.700	449/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	369.759	57.059	312.700	305.607	7.093	7.093	7.093	7.093	7.093	7.093	7.093	Bổ tư hết số vốn trung hạn 2021-2025 chỉ để dự án được tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung kế hoạch bổ sung kế hoạch 2023 và 43 dự án tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023				
2	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024			1.167.839	5.689	1.127.150	-	1.228.381	466.341	700.790	592.465	108.325	108.325	-	-	-	-	-					
2.1	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến đường bộ Suối Nứa - Suối Nứa trên địa bàn huyện Lục Ngạn và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	353/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	937.839	4.689	933.150	1114/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	998.381	463.341	535.040	497.465	37.575	37.575	-	-	37.575	37.575	37.575	Bổ tư hết số vốn trung hạn 2021-2025 chỉ để dự án được tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung kế hoạch bổ sung kế hoạch 2023 và 43 dự án tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023				
2.2	Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Nhà Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Tân Yên	1980/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	230.000	1.000	194.000	-	230.000	3.000	165.750	95.000	70.750	70.750	-	-	70.750	70.750	70.750	Bổ tư hết số vốn trung hạn 2021-2025 chỉ để dự án được tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung kế hoạch bổ sung kế hoạch 2023 và 43 dự án tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023				
3	Các dự án khởi công mới năm 2024			172.177	19.177	153.000	-	-	-	153.000	-	17.901	17.901	-	-	17.901	17.901	17.901	Bổ tư hết số vốn trung hạn 2021-2025 chỉ để dự án được tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung kế hoạch bổ sung kế hoạch 2023 và 43 dự án tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023				
3.1	Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phố Nhượn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	1437/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	172.177	19.177	153.000	-	-	-	153.000	-	17.901	17.901	-	-	17.901	17.901	17.901	Bổ tư hết số vốn trung hạn 2021-2025 chỉ để dự án được tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung kế hoạch bổ sung kế hoạch 2023 và 43 dự án tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023				
II	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PTNT			72.525	12.525	60.000	-	63.682	12.682	51.000	37.000	14.000	14.000	-	-	14.000	14.000	14.000					
I	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024			72.525	12.525	60.000	-	63.682	12.682	51.000	37.000	14.000	14.000	-	-	14.000	14.000	14.000					
*	Các dự án làm nông nghiệp						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Kế hoạch đầu tư trung hạn của NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đang đề xuất bổ sung vốn và điều chỉnh tăng KH trung hạn 2021-2025				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)			Giải đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Chính phủ		Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW						
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước								
1.1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	72.525	12.525	60.000	1605/QĐ-UBND, ngày 29/7/2021	63.682	12.682	51.000	51.000	51.000	37.900	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	Bổ trợ tài sản vốn trung hạn 2021-2025 của Bộ	
III	LĨNH VỰC Y TẾ	495.411	374.612	120.800		290.265	16.365	273.900	273.900	273.900	339.900	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	
I	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024	495.411	374.612	120.800		290.265	16.365	273.900	273.900	273.900	339.900	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	
1.1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh	139.677	139.677		2187/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	139.677	9.377	130.300	130.300	130.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	
1.2	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh	150.588	150.588		2189/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	150.588	6.988	143.600	143.600	143.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	126.600	
1.3	Xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	205.146	84.347	120.800	2263/QĐ-UBND ngày 09/11/2021						96.000	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA	98.353	18.353	80.000		133.000	5.723	127.277	127.277	127.277	90.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024	98.353	18.353	80.000		133.000	5.723	127.277	127.277	127.277	90.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đang đề xuất bổ sung vốn và điều chỉnh tăng KH trung hạn 2021-2025				Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Giới hạn vốn đã được cấp có thẩm quyền giao	Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách (tư)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách (tư)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước					
1.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang	1740/QĐ-UBND, 31/10/2016; 1439/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	98.353	18.353	80.000	3237/QĐ-UBND, 14/11/2022	133.060	5.723	127.277	108.000	90.000	18.000	18.000	18.000							Bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 của tỉnh	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		121.982	1.982	120.000		121.982	19.982	102.000	102.000												
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024		121.982	1.982	120.000		121.982	19.982	102.000	102.000	102.000	102.000										
1.1	Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình giáo dục thường xuyên, Nhà ký túc xá số 2 Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	1318/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	121.982	1.982	120.000		121.982	19.982	102.000	102.000	102.000	102.000			102.000						Đã bổ sung KH vốn trung hạn được giao, do thực hiện điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn năm 2022 và 2023 đồng thời bổ sung KH QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	
VI	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		100.000	15.000	85.000					85.000	30.000	25.000	25.000									
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		100.000	15.000	85.000					85.000	30.000	25.000	25.000									
1.1	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	3253/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	100.000	15.000	85.000					85.000	30.000	25.000	25.000									
VII	ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ATK		115.293	1.000	114.293		117.688	12.349	105.339	97.100	92.100	5.000	5.000									
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024		115.293	1.000	114.293		117.688	12.349	105.339	97.100	92.100	5.000	5.000									

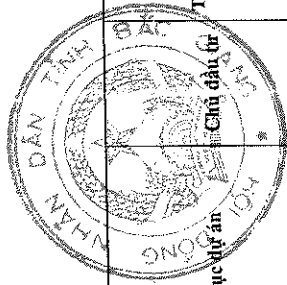


STT	Đanh mục dự án	Chức năng và KQ-HY	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đang để xuất bổ sung vốn và điều chỉnh tăng KH trung hạn 2021- 2025				Ghi chú
			Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Dự giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số	Trong đó: Tàu hời các khoản tổng trước	Tổng số	Trong đó: Tàu hời các khoản tổng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: Tàu hời các khoản tổng trước	Tổng số	Trong đó: Tàu hời các khoản tổng trước				
1.1	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2190/QĐ- UBND ngày 30/10/2020	59.954	500	59.454	1959/QĐ- UBND ngày 14/12/2023	50.500	9.454	50.500	45.500	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	Chưa hết thời gian thực hiện dự án và đang báo dự án nhóm B 04 năm					
1.2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc các xã: Thanh Văn, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thành, Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2191/QĐ- UBND ngày 30/10/2020	55.339	500	54.839	1546/QĐ- UBND ngày 14/10/2023	46.600	2.895	54.839	46.600	46.600				8.239	8.239	Khi tổng hạn 2021- 2025 đã hết hạn và đang báo NSTW và CV 820/UBND-TT ngày 25/04/2023 để hoàn thành dự án					
B	NHỮNG DỰ ÁN CẤP THIẾT MANG TÍNH CHẤT KẾT NỐI LIÊN VÙNG VÀ HỖ TRỢ KHÁC TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			1.452.715	352.715	1.100.000					1.100.000												
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			1.452.715	352.715	1.100.000					1.100.000												
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			1.452.715	352.715	1.100.000					1.100.000												
1.1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLĐA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	1065/QĐ- UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715	1.100.000					1.100.000							NSTW đã bổ trợ đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NST tình bổ trợ bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST					

Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

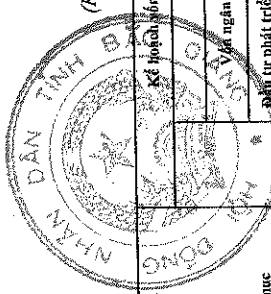
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao				Lấy kế kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2023				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024		Chí chủ
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW					Ngân sách tỉnh	NSTW		
	TỔNG SỐ				537.117	447.000	480.500	33.500	447.000	237.350	2.350	235.000	200.500	167.000			
I	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI				428.578	377.000	410.500	33.500	377.000	236.850	1.850	235.000	175.500	142.000			
1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giao dịch nghề nghiệp				77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000			
*	Các dự án hoàn thành năm 2024				77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000			
1.1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trong điểm Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	2022-2024	3499/QĐ- UBND, 27/12/2022	77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000		NSTW đã bố trí đủ vốn trung hạn được giao	
2	Lĩnh vực y tế				351.578	307.000	340.500	33.500	307.000	188.400	1.400	187.000	153.500	120.000			
*	Các dự án hoàn thành sau năm 2024				306.638	263.000	296.500	33.500	263.000	144.200	1.200	143.000	153.500	120.000			
2.1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3294/QĐ- UBND, 28/11/2022	120.638	100.000	115.500	15.500	100.000	50.500	500	50.000	65.500	50.000		NSTW bố trí đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NST tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao			Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									
2.2	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3465/QĐ-UBND, 22/12/2022	186.000	163.000	181.000	18.000	163.000	93.700	700	93.000	88.000	70.000	NSTW bố trí đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NSTW tính bố trí bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST
*	Các dự án khởi công mỗi năm 2024				44.940	44.000	44.000		44.000	44.200	200	44.000			
2.3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2024	417/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	44.940	44.000	44.000		44.000	44.200	200	44.000			Đã được giao KH trung hạn 2021-2025; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình phân bổ KH vốn năm 2023 là 44 tỷ đồng
II	BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				108.539	70.000	70.000		70.000	500	500		25.000	25.000	
1	Lĩnh vực văn hoá														
*	Các dự án khởi công mỗi năm 2024				108.539	70.000	70.000		70.000	500	500		25.000	25.000	
1.1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2023-2025	1900/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	108.539	70.000	70.000		70.000	500	500		25.000	25.000	Đã được giao KH trung hạn 2021-2025

Biểu số 3c



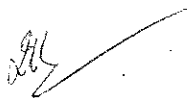
KẾ HOẠCH VỐN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Danh mục	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch vốn năm 2024										Ghi chú
			Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					
			Vốn ngân sách trung ương					Vốn ngân sách trung ương					Vốn ngân sách trung ương					Vốn ngân sách trung ương					
			Sự nghiệp					Sự nghiệp					Sự nghiệp					Sự nghiệp					
			Tổng số	Đầu tư phát triển	Ngoài nước	Trong nước	Đầu tư phát triển	Tổng số	Đầu tư phát triển	Ngoài nước	Trong nước	Đầu tư phát triển	Tổng số	Đầu tư phát triển	Ngoài nước	Trong nước	Đầu tư phát triển	Tổng số	Đầu tư phát triển	Ngoài nước	Trong nước		

PHỤ LỤC I

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG**

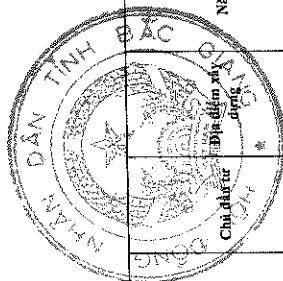


KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Đanh mục	Chức năng nhiệm vụ	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025				Lấy kế bổ trợ vốn đến hết kế hoạch 2023				Kế hoạch năm 2024				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					
	TỔNG SỐ					451.695	343.851	62.852	388.745	343.745	45.000	215.086	190.086	25.000	103.496	20.000					
	PHÂN BỐ DƯỚI 1														117.749	20.000					
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo Sơn Động																				
1	Tiền dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo																				
1.1	Cải tạo nâng cấp đường Vĩnh An - Văn Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Vĩnh An - Văn Sơn, huyện Sơn Động	Đường dài 9,96km: Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2022-2024	4231/QĐ-UBND, 03/10/2022	78.640	58.351	11.000	69.351	58.351	11.000	57.970	49.970	8.000	11.381	8.381	3.000	Bổ trợ dự kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025		
1.2	Nâng cấp đường xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động đi xã Đèo Già, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Đường dài 3,42km: Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2022-2024	4395/QĐ-UBND, 14/10/2022	64.000	47.360	9.000	56.360	47.360	9.000	45.642	38.642	7.000	10.718	8.718	2.000	Bổ trợ dự kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025		
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lê Viên đi Tổ dân phố Đình, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Lê Viên, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	Đường dài 3,0 km: Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	1112/QĐ-UBND, 27/3/2023	57.000	42.180	8.000	49.030	42.180	6.850	26.055	21.205	4.850	20.321	18.321	2.000			
1.4	Xây dựng Trạm y tế xã Thanh Luận	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Thanh Luận, huyện Sơn Động	Xây dựng nhà trạm y tế 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	5204/QĐ-UBND, 22/12/2022	14.800	10.952		10.952	10.952		100	100	0	7.500	7.500				
1.5	Xây dựng Trạm y tế xã Hữu Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Hữu Sơn, huyện Sơn Động	Xây dựng nhà trạm y tế 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	5203/QĐ-UBND, 22/12/2022	14.700	10.878		10.878	10.878		100	100	0	7.500	7.500				
2	Tiền dự án 2: Dự án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg						120.000	89.427	17.000	90.577	89.427	1.150	63.749	62.599	1.150	26.828	26.828	0			



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025				Lấy kế bổ trí vốn đến hết kế hoạch 2023				Kế hoạch năm 2024		Ghi chú		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Trong đó		Trong đó		Trong đó		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh							
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bả - Tuấn Đạo - Thanh Luân, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bả, Tuấn Đạo, Thanh Luân, huyện Sơn Động	Đường dài 12,036 km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	974/QĐ-UBND, 22/3/2023	72.000	50.427	12.000	51.127	50.427	700	40.700	40.000	700	10.427	10.427	16.401	16.401			
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bả - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bả, Tuấn Đạo, Thanh Luân, huyện Sơn Động	Đường dài 7,3km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	1059/QĐ-UBND, 24/3/2023	48.000	39.000	5.000	39.450	39.000	450	23.049	22.599	450	16.401	16.401	16.401	16.401			
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						102.555	84.703	17.852	101.597	84.597	17.000	21.470	17.470	4.000	39.248	26.248	13.000	13.000			
	Trong đó: Phần bổ dự 1															33.501	20.501	13.000	13.000			
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nông thôn, vùng khó khăn						87.694	69.842	17.852	86.736	69.736	17.000	16.900	12.900	4.000	33.758	20.758	13.000	13.000			
	Trong đó: Phần bổ dự 1															28.011	15.011	13.000	13.000			
1.2	Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình ĐDGN tỉnh	Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	Mở rộng diện tích trường; xây dựng nhà lớp học, các phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác.	2023-2025	1073/QĐ-UBND, 25/7/2023	81.136	64.136	17.000	81.136	64.136	17.000	16.900	12.900	4.000	28.011	15.011	13.000	13.000			
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững						14.861	14.861	0	14.861	14.861	0	4.570	4.570		5.490	5.490					
	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giáo dục việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	Xây dựng phần mềm; đầu tư trang thiết bị; đào tạo, chuyển giao công nghệ...	2023-2025	1414/QĐ-UBND, 25/9/2023	14.861	14.861		14.861				4.570		5.490	5.490					

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG

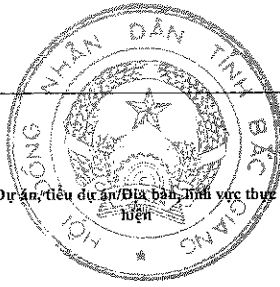
(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	 Dự án, tiểu dự án/Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024							Ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương							
				Tổng số	Trong đó						
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		Các hoạt động kinh tế		
	TỔNG SỐ		156.366	118.382	30.203	8.940	6.510	72.729	37.984		
	PHÂN BỐ ĐỢT 1		149.366	111.382	23.203	8.940	6.510	72.729	37.984		
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo Sơn Động		43.871	8.771	0	0	0	8.771	35.100		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo		41.188	6.088	0	0	0	6.088	35.100		
-	Duy tu, bảo dưỡng công trình trên địa bàn huyện Sơn Động		41.188	6.088				6.088	35.100		
2	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg		2.683	2.683	0	0	0	2.683	0		
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		35.500	35.500	0	0	0	35.500	0		
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0				0			
	Huyện Việt Yên		1.501	1.501				1.501			
	Huyện Yên Dũng		1.589	1.589				1.589			
	Huyện Lạng Giang		1.854	1.854				1.854			
	Huyện Yên Thế		3.502	3.502				3.502			
	Huyện Tân Yên		2.589	2.589				2.589			
	Huyện Hiệp Hòa		2.942	2.942				2.942			
	Huyện Lục Nam		5.046	5.046				5.046			
	Huyện Lục Ngạn		7.650	7.650				7.650			
	Huyện Sơn Động		8.827	8.827				8.827			
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		23.623	23.623	0	0	6.510	17.113	0		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		17.113	17.113	0	0	0	17.113	0		
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0				0			
	Huyện Việt Yên		723	723				723			
	Huyện Yên Dũng		766	766				766			
	Huyện Lạng Giang		894	894				894			
	Huyện Yên Thế		1.688	1.688				1.688			
	Huyện Tân Yên		1.248	1.248				1.248			
	Huyện Hiệp Hòa		1.418	1.418				1.418			
	Huyện Lục Nam		2.433	2.433				2.433			
	Huyện Lục Ngạn		3.688	3.688				3.688			
	Huyện Sơn Động		4.255	4.255				4.255			
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		6.510	6.510	0	0	6.510	0	0		
	Thành phố Bắc Giang		286	286				286			



STT	 Dự án, tiểu dự án/Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024						Ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương						
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
	Huyện Việt Yên		304	304			304			
	Huyện Yên Dũng		322	322			322			
	Huyện Lạng Giang		439	439			439			
	Huyện Yên Thế		609	609			609			
	Huyện Tân Yên		394	394			394			
	Huyện Hiệp Hòa		522	522			522			
	Huyện Lục Nam		1.023	1.023			1.023			
	Huyện Lục Ngạn		1.358	1.358			1.358			
	Huyện Sơn Động		1.253	1.253			1.253			
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		26.480	26.480	18.980	0	0	7.500	0	
	Trong đó: Phân bổ đợt 1		19.480	19.480	11.980	0	0	7.500	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		18.980	18.980	18.980	0	0	0	0	
	Trong đó: Phân bổ đợt 1		11.980	11.980	11.980	0	0	0	0	
1.1	Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	475	475	475	0	0	0	0	
1.3	Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng		11.505	11.505	11.505	0	0	0	0	
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0	-					
	Huyện Việt Yên		486	486	486					
	Huyện Yên Dũng		515	515	515					
	Huyện Lạng Giang		601	601	601					
	Huyện Yên Thế		1.135	1.135	1.135					
	Huyện Tân Yên		839	839	839					
	Huyện Hiệp Hòa		954	954	954					
	Huyện Lục Nam		1.635	1.635	1.635					
	Huyện Lục Ngạn		2.479	2.479	2.479					
	Huyện Sơn Động		2.861	2.861	2.861					
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và XH	300	300				300		
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.200	7.200	0	0	0	7.200	0	
3.1	Hỗ trợ việc làm bền vững (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	1.440	1.440	0	0	0	1.440	0	
3.2	Hỗ trợ việc làm bền vững (do các huyện, thành phố thực hiện)		5.760	5.760	0	0	0	5.760	0	
	Thành phố Bắc Giang		46	46				46		
	Huyện Việt Yên		415	415				415		
	Huyện Yên Dũng		415	415				415		
	Huyện Lạng Giang		415	415				415		
	Huyện Yên Thế		553	553				553		
	Huyện Tân Yên		737	737				737		
	Huyện Hiệp Hòa		737	737				737		
	Huyện Lục Nam		553	553				553		



STT	 Dự án, tiểu dự án/Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024						Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh	
				Tổng số	Trong đó				
				Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
	Huyện Lục Ngạn		737	737				737	
	Huyện Sơn Động		1.152	1.152				1.152	
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo Sơn Động		6.729	3.845	0	0	0	3.845	2.884
	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Sơn Động		6.729	3.845				3.845	2.884
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		8.940	8.940	0	8.940	0	0	0
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin		6.163	6.163	0	6.163	0	0	0
1.1	Giảm nghèo về thông tin		1.540	1.540	0	1.540	0	0	0
-	Các nội dung giảm nghèo về thông tin (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Thông tin và Truyền thông	1.024,48	1.024,48		1.024,48			
-	Hỗ trợ trưng bày, giới thiệu và bảo quản xuất bản phẩm in, ấn phẩm truyền thông in; chỉ quản lý vận hành phục vụ người đọc, xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, các sản phẩm truyền thông khác và sử dụng dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Sở Thông tin và Truyền thông	515,52	515,52		515,52			
1.2	Giảm nghèo về thông tin (do các huyện, thành phố thực hiện)		4.623	4.623	0	4.623	0	0	0
	Thành phố Bắc Giang		61	61		61			
	Huyện Việt Yên		193	193		193			
	Huyện Yên Dũng		204	204		204			
	Huyện Lạng Giang		238	238		238			
	Huyện Yên Thế		450	450		450			
	Huyện Tân Yên		333	333		333			
	Huyện Hiệp Hòa		378	378		378			
	Huyện Lục Nam		649	649		649			
	Huyện Lục Ngạn		983	983		983			
	Huyện Sơn Động		1.134	1.134		1.134			
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		2.777	2.777	0	2.777	0	0	0
2.1	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	555	555		555			
2.2	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (do các huyện, thành phố thực hiện)		2.222	2.222	0	2.222	0	0	0
	Thành phố Bắc Giang		29	29		29			
	Huyện Việt Yên		93	93		93			
	Huyện Yên Dũng		98	98		98			
	Huyện Lạng Giang		115	115		115			
	Huyện Yên Thế		216	216		216			
	Huyện Tân Yên		160	160		160			
	Huyện Hiệp Hòa		182	182		182			
	Huyện Lục Nam		312	312		312			

<

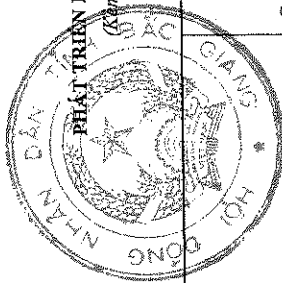
Ghi chú: (*) Địa bàn không còn đối tượng thực hiện./

PHỤ LỤC II

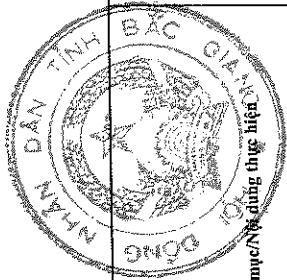
**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024
TỈNH BẮC GIANG**



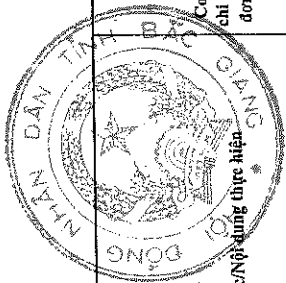
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)



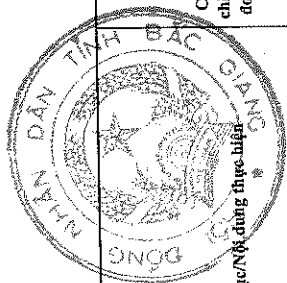
Đơn vị tính: Triệu đồng																	
Kế hoạch vốn 2024																	
Ngân sách trung ương																	
Vốn ngân sách tỉnh																	
TT	Đanh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiêu/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Tổng số		Trong đó						Trong đó		Trong đó		Ghi chú		
			Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp				Tổng số	Vốn đầu tư phát triển					
							Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế			Sự nghiệp đảm bảo xã hội				
			586.184	320.623	265.561	488.684	225.623	263.061	65.782	7.349	16.462	157.339	16.129	97.500	95.000	2.500	
*			458.013	309.619	148.394	359.172	214.619	145.894	29.282	7.349	16.462	76.672	16.129	97.500	95.000	2.500	
I			39.318	18.071	21.247	38.514	17.267	21.247	0	0	0	21.247	0	804	804		Phân bổ theo tiêu chí
1			8.844	8.844		8.040	8.040							804	804		
			0	0		0	-							-	-		
			5.280	5.280		4.800	4.800							480	480		
		HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết	2.772	2.772		2.520	2.520							252	252		
			660	660		600	600							60	60		
			132	132		120	120							12	12		
2			12.691		12.691	12.691		12.691		0	0	12.691					Phân bổ theo tiêu chí
			7.800		7.800	7.800		7.800				7.800					
			2.891		2.891	2.891		2.891				2.891					
			1.300		1.300	1.300		1.300				1.300					
			700		700	700		700				700					
			0		0	0		-				-					
3			17.783	9.227	8.556	17.783	9.227	8.556	0	0	0	8.556					
3.1			8.556	0	8.556	8.556	0	8.556	0	0	0	8.556		0	0	0	
			4.320		4.320	4.320		4.320				4.320					
			3.300		3.300	3.300		3.300				3.300					
			480		480	480		480				480					
			420		420	420		420				420					



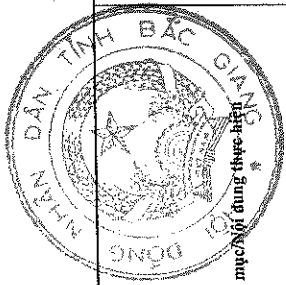
Kế hoạch vốn 2024													
TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh					
		Tổng số		Trong đó				Tổng số		Trong đó			
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD		Sự nghiệp văn hóa thông tin			Sự nghiệp động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
	Huyện Lạng Giang	36		36		36				36			
3.2	Nước sinh hoạt tập trung	9.227	9.227			9.227			9.227				
	Huyện Sơn Động	8.128	8.128			8.128			8.128				
	Huyện Lục Ngạn	0	0			0			0				
	Huyện Lục Nam	1.099	1.099			1.099			1.099				
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	13.348	13.348			13.348			13.348				
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	129.992	9.004	120.988		129.992	9.004	120.988	9.004	0	120.988	0	
*	Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1	40.321	0	40.321		40.321	0	40.321	0	0	40.321	0	0
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	78.032		78.032		78.032		78.032			78.032		
1.1	Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1	6.685		6.685		6.685		6.685			6.685		
	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	3.905		3.905		3.905		3.905			3.905		
	Hỗ trợ bảo vệ rừng; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ, huyện Sơn Động	2.421		2.421		2.421		2.421			2.421		
	Hỗ trợ bảo vệ rừng huyện Lục Ngạn	359		359		359		359			359		
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	51.960	9.004	42.956		51.960	9.004	42.956	9.004	0	42.956	0	
*	Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1	33.636	0	33.636		33.636	0	33.636	0	0	33.636	0	0
	Nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động	18.324	9.004	9.320		18.324	9.004	9.320	9.004		9.320		
													Chưa phân bổ



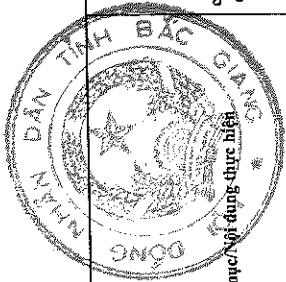
Kế hoạch vốn 2024															
TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiêu/Chủ đầu tư, đơn vị chủ trì thực hiện	Tổng số			Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh		Ghi chú	
			Trong đó		Tổng số	Vốn sự nghiệp					Tổng số	Vốn đầu tư phát triển			
			Tổng số	Vốn đầu tư phát triển		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế xã hội	Sự nghiệp đảm bảo xã hội					
	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		33.636	0	33.636	0	33.636				33.636				
	- Huyện Sơn Động		15.830		15.830		15.830				15.830				
	• Huyện Lục Ngạn		9.502		9.502		9.502				9.502				
	• Huyện Lục Nam		4.618		4.618		4.618				4.618				Chỉ tiết tại biểu 3C.2.1
	• Huyện Yên Thế		3.473		3.473		3.473				3.473				
	- Huyện Lạng Giang		213		213		213				213				
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		213.613	200.630	12.983	156.576	12.983	0	0	0	12.983	0	57.037	57.037	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		213.613	200.630	12.983	156.576	12.983				12.983		57.037	57.037	
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản đặc biệt khó khăn		111.454	111.454		107.054									Phân bổ theo tiêu chí
	* Phân bổ cho các huyện, xã		107.054	107.054		107.054							4.400	4.400	Phân bổ theo tiêu chí
	- Huyện Sơn Động		48.896	48.896		48.896									
	• Huyện Lục Ngạn		32.791	32.791		32.791									
	- Huyện Lục Nam		14.138	14.138		14.138									Chỉ tiết tại Biểu 3C.2.2
	- Huyện Yên Thế		10.338	10.338		10.338									
	- Huyện Lạng Giang		891	891		891									
	* Đầu tư công trình giao thông có tác động lan tỏa trên địa bàn huyện Sơn Động	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Sơn Động	4.400	4.400		0							4.400	4.400	Chỉ tiết tại biểu 3C.2.2
1.2	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		12.433			12.433									Phân bổ theo tiêu chí
	- Huyện Sơn Động		5.679			5.679									
	- Huyện Lục Ngạn		3.809			3.809									



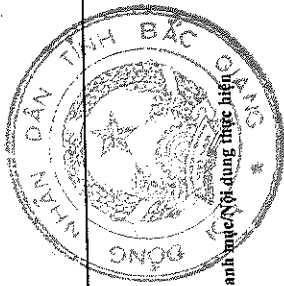
Kế hoạch vốn 2024														
TT	Danh mục/Nội dung thực hiện đơn vị chủ trì thực hiện	Tổng số		Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh			Ghi chú	
		Trong đó		Trong đó						Tổng số	Trong đó			
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn đầu tư phát triển	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		
														Vốn đầu tư phát triển
	- Huyện Lạc Nam	1.642		1.642						1.642				
	- Huyện Yên Thế	1.200		1.200						1.200				
	- Huyện Lạng Giang	103		103						103				
1.3	Thiết bị trạm y tế	550		550						550				Phân bổ theo tiêu chí
	- Huyện Sơn Động	550		550						550				Chi tiết tại biểu 3C.2.1
1.4	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã	83.474	83.474			30.837						52.637	52.637	Chi tiết tại biểu 3C.2.2
1.5	Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ	4.182	4.182			4.182								Phân bổ theo tiêu chí
	- Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ trên địa bàn huyện Sơn Động	4.182	4.182			4.182								Chi tiết tại biểu 3C.2.1
1.6	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã	1.520	1.520			1.520								Phân bổ theo tiêu chí
	- Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã trên địa bàn huyện Sơn Động	1.520	1.520			1.520								Chi tiết tại biểu 3C.2.1
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	132.494	66.712	65.782		95.335	65.782	65.782	0	0	0	37.159	37.159	
*	Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1	95.994	66.712	29.282		58.835	29.282	29.282	0	0	0	37.159	37.159	
I	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	79.255	66.712	12.543		42.096	12.543	12.543	0	0	0	37.159	37.159	
1.1	Đầu tư trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú	66.712	66.712			29.553		0				37.159	37.159	Chi tiết tại biểu 3C.2.2
1.2	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số và xóa mù chữ	12.543		12.543		12.543	12.543	12.543	0	0	0			Phân bổ theo tiêu chí



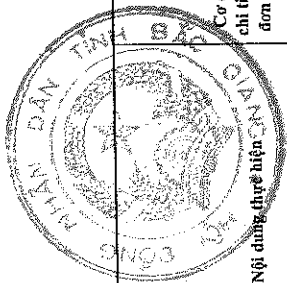
Kế hoạch vốn 2024																	
TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiêu/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Tổng số		Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh			Ghi chú			
			Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp				Tổng số	Vốn đầu tư phát triển		Trong đó		
								Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin					Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
			11.543		11.543	11.543											
	Đầu tư CSVC chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.000		1.000	1.000											
	Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	UBND huyện Sơn Động															
2	Triển dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,	Ban Dân tộc	3.546		3.546	3.546											
-	Hỗ trợ đóng tiền học phí, chi phí sinh hoạt học tập...	Ban Dân tộc	1.546		1.546	1.546											Hỗ trợ sinh viên đại học
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc		2.000		2.000	2.000											
3	Triển dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Sở LĐTB và XH; UBND các huyện; các cơ sở đào tạo nghề	41.310		41.310	41.310											Theo nhu cầu
	Trong đó: Phân bổ vốn chỉ tiêu đợt 1		4.810	0	4.810	4.810	0	4.810	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng		3.000		3.000	3.000											
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	985		985	985											
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	855		855	855											
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	565		565	565											
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	390		390	390											
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	205		205	205											
3.3	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.010		1.010	1.010											
3.3.1	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	280		280	280											
3.3.2	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		730		730	730											



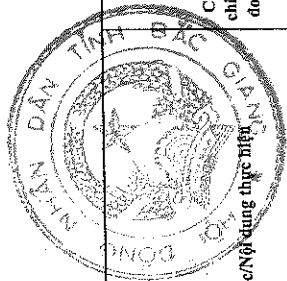
Kế hoạch vốn 2024															
TT	Danh mục/việc đang thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Tổng số		Ngân sách trung ương							Vốn ngân sách tỉnh		Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Tổng số		Vốn đầu tư phát triển
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, di sản văn hóa theo hợp đồng huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	170		170	170		170							
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, di sản văn hóa theo hợp đồng huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	270		270	270		270							
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, di sản văn hóa theo hợp đồng huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	120		120	120		120							
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, di sản văn hóa theo hợp đồng huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	140		140	140		140							
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, di sản văn hóa theo hợp đồng huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	30		30	30		30							
3.4	Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	200		200	200		200							
3.5	Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	600		600	600		600							
4	Tiêu án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình các cấp	Ban Dân tộc	8.383		8.383	8.383		8.383							Phân bổ theo tiêu chí
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		18.990	10.858	8.132	18.990	10.858	8.132	0	8.132	0	0			
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Sơn Động	HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết vốn ĐTP	2.957	1.500	1.457	2.957	1.500	1.457							
2	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Ngạn	HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết vốn ĐTP	3.114	2.500	614	3.114	2.500	614							
3	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Nam	HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết vốn ĐTP	3.747	2.858	889	3.747	2.858	889							
4	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Yên Thế	HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết vốn ĐTP	5.162	4.000	1.162	5.162	4.000	1.162							
5	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lạng Giang		90	0	90	90	-	90							



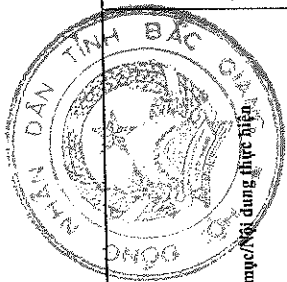
Kế hoạch vốn 2024															
TT	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh				Ghi chú			
		Tổng số		Trong đó		Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó						
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn sự nghiệp									
						Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y DS&GD		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội				
6	Danh mục/Nội dung thực hiện	3.920		3.920	3.920		3.920	3.920					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
	Khoá sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lanh, Sản Chí; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số; xây dựng nội dung, xuất bản sách, địa phm tư liệu về văn hóa truyền thống; tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS														
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	7.349		7.349	7.349		7.349	0	7.349	0	0	0			Phân bổ theo tiêu chí
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Sơn Đông	2.758		2.758	2.758		2.758		2.758						
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lục Ngạn	2.667		2.667	2.667		2.667		2.667						
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lục Nam	654		654	654		654		654						
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	1.107		1.107	1.107		1.107		1.107						
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lạng Giang	163		163	163		163		163						
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	12.967		12.967	12.967		12.967	0	0	0	0	12.967			Phân bổ theo tiêu chí
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Sơn Đông	4.885		4.885	4.885		4.885					4.885			
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Lục Ngạn	3.438		3.438	3.438		3.438					3.438			
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Lục Nam	1.809		1.809	1.809		1.809					1.809			



Kế hoạch vốn 2024																
TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Tổng số		Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh			Ghi chú			
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Tổng số		Trong đó		
							Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa, thông tin			Các hoạt động kinh tế xã hội	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
	Cơ quan giao KH chỉ tiêu/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện															
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	1.266		1.266		1.266						1.266				
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	121		121		121						121				
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.448		1.448		1.448						1.448			Phân bổ theo tiêu chí	
IX	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	3.162		3.162		3.162	0	0	0	0		3.162				
1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN	3.162		3.162		3.162						3.162				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	710		710		710						710				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	568		568		568						568				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	240		240		240						240				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	276		276		276						276				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	168		168		168						168				
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	1.200		1.200		1.200						1.200				
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	14.951	2.000	12.951	2.000	10.451	0	0	8.330	2.121	0	2.500	0	2.000	Phân bổ theo tiêu chí	
*	Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1	12.951	0	12.951	0	10.451	0	0	8.330	2.121	0	2.500	0	2.000	0	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	8.989		8.989		6.989	0	0	6.989	0	0	2.000	0	2.000		



TT	Cơ quan giao KH chỉ tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024													Ghi chú		
		Ngân sách trung ương					Vốn ngân sách tỉnh										
		Tổng số		Trong đó		Tổng số	Vốn sự nghiệp					Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số		Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp							
											Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đạy nghề		Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
	Danh mục/Nội dung thực hiện	894		894		894		894									
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Sơn Động	894		894		894										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lục Ngạn	1.545		1.545		1.545										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lục Nam	513		513		513										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Yên Thế	699		699		699										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lạng Giang	138		138		138										
	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Tư pháp	400		400		400										
	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS	Ban Dân tộc	4.800		4.800		4.800										
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3.341	2.000	1.341		3.341		0	1.341	0	0	0	0	0	2.000	
	Trong đó: Phân bổ vốn chỉ tiết đợt 1		1.341	0	1.341		1.341		0	1.341	0	0	0	0	0	0	
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	1.341		1.341		1.341										
	Thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	Ban Dân tộc	2.000	2.000	0		2.000										Chưa phân bổ
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình		2.621		2.621		2.621		0	2.121	0	0	0	0	0	500	
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Sơn Động	587		587		587										
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Lục Ngạn	408		408		408										
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Lục Nam	77		77		77										



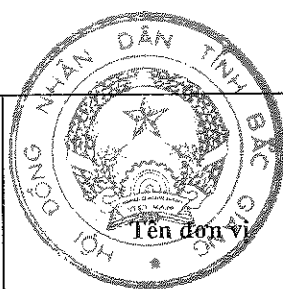
Kế hoạch vốn 2024															Ghi chú		
TT	Cơ quan giao KH chỉ tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Đanh mục/Nội dung thực hiện	Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh								
			Tổng số		Trong đó				Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp				
			Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD						Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	140		140	140			140								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	19		19	19			19								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	100		100	100			100								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	850		850	350			350					500			
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	80		80	80			80								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	100		100	100			100								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	80		80	80			80								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	80		80	80			80								
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	60		60	60			60					60			
		Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	40		40	40			40					40			

**KẾ HOẠCH VỐN GIAO CHO UBND CÁC HUYỆN, XÃ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

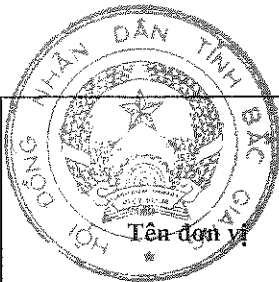
(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
	TỔNG SỐ	146.392	112.756	33.636
I	HUYỆN LẠNG GIANG	1.104	891	213
1	Xã Hương Sơn	1.104	891	213
II	HUYỆN SƠN ĐỘNG	70.428	54.598	15.830
1	Thị trấn An Châu	2.140	1.683	457
2	Xã Long Sơn	1.521	1.202	319
3	Xã Tuấn Đạo	2.140	1.683	457
4	TT.Tây Yên Tử	3.438	2.775	663
5	Xã Dương Hưu	3.380	2.748	632
6	Xã Hữu Sản	3.491	2.796	695
7	Xã An Lạc	3.612	2.913	699
8	Xã Vân Sơn	7.637	6.955	682
9	Xã Lệ Viễn	3.480	2.807	673
10	Xã Vĩnh An	4.275	3.616	659
11	Xã An Bá	4.233	3.561	672
12	Xã Yên Định	3.467	2.814	653
13	Xã Cẩm Đàn	3.583	2.884	699
14	Xã Thanh Luận	3.464	2.779	685
15	Xã Đại Sơn	3.464	2.803	661
16	Xã Phúc Sơn	3.575	2.876	699
17	Xã Giáo Liêm	8.402	7.703	699
18	UBND huyện Sơn Động	5.126		5.126
III	HUYỆN LỤC NGẠN	42.293	32.791	9.502



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
1	Xã Sa Lý	3.335	2.694	641
2	Xã Phong Minh	3.372	2.720	652
3	Xã Phong Vân	3.443	2.788	655
4	Xã Tân Sơn	6.580	5.963	617
5	Xã Cẩm Sơn	3.313	2.696	617
6	Xã Hộ Đáp	3.376	2.741	635
7	Xã Sơn Hải	3.369	2.721	648
8	Xã Phú Nhuận	3.506	2.837	669
9	Xã Đèo Gia	3.402	2.742	660
10	Xã Tân Lập	2.140	1.683	457
11	Xã Kim Sơn	1.014	801	213
12	Xã Thanh Hải	507	401	106
13	Xã Biên Sơn	507	401	106
14	Xã Tân Hoa	1.521	1.202	319
15	Xã Kiên Thành	507	401	106
16	UBND huyện Lục Ngạn	2.401		2.401
IV	HUYỆN LỤC NAM	18.756	14.138	4.618
1	Xã Bình Sơn	2.244	1.758	486
2	Xã Lục Sơn	3.653	3.172	481
3	Xã Trường Sơn	2.218	1.740	478
4	Xã Vô Tranh	2.264	1.778	486
5	Xã Trường Giang	1.521	1.202	319
6	Xã Nghĩa Phương	2.140	1.683	457
11	Xã Tam Dị	2.028	1.603	425
12	Xã Bảo Sơn	1.521	1.202	319
13	UBND huyện Lục Nam	1.167		1.167
V	HUYỆN YÊN THẾ	13.811	10.338	3.473
1	Xã Đồng Vương	3.349	2.731	618
2	Xã Đồng Tiến	2.140	1.683	457



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
3	Xã Canh Nậu	2.140	1.683	457
4	Xã Tiến Thắng	2.557	2.238	319
5	Xã Đồng Hưu	1.226	801	425
6	Xã Tân Hiệp	507	401	106
7	Xã Đông Sơn	1.014	801	213
8	UBND huyện Yên Thế	878		878

Ghi chú:

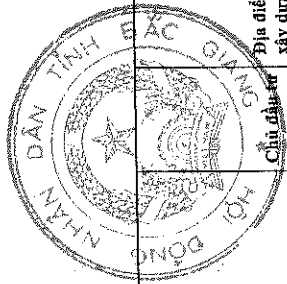
- HDND huyện giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư phát triển
- Vốn Dự án 4 đã bao gồm vốn cải tạo, nâng cấp trạm y tế, đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ (Chợ xã Vân Sơn, trạm y tế xã Vĩnh An, An Bá)

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHUNG TRINH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024

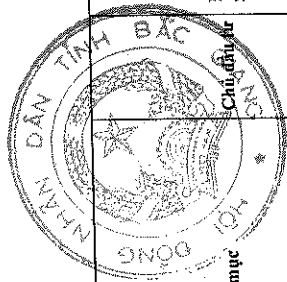
(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn Ngân sách trung ương	Trong đó	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Trong đó	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Trong đó	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Trong đó	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Trong đó
	Tổng số						632.881	232.818	213.154	438.086	232.809	205.277	165.757	105.752	60.005	167.934	73.738	94.196			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						51.641	49.146	2.495	49.146	49.146	0	14.346	14.346	0	13.348	13.348	0			
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Trảng Bán, Đồng Đăng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Nâng cấp mở rộng 3 tuyến đường giao thông dài khoảng 3.642,73 m; trạm bơm và hệ thống kênh mương	2022-2024	Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	19.146	19.146		19.146	19.146		13.846	13.846	0	5.300	5.300	0			
2	Dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sán, Dân và Dân 3, xã Hữu Sơn; Tổ dân phố Mậu, Tổ dân phố Thanh Chung, thị trấn Tây Yên Tử, thôn Đồng Riêu, thôn Đồng Mã, thôn Bán, xã Dương Hưu; thôn Lọ, xã Lệ Viễn; thôn Gốc Sau, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động.	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	Xử lý sắt trượt 2.460m ² ; xây dựng các tuyến đường khoản 5,83 km và 5 ngầm	2023-2025	Quyết định 4388/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	32.495	30.000	2.495	30.000	30.000		500	500		8.048	8.048				
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						362.339	104.004	114.780	218.784	104.004	114.780	79.148	47.148	32.800	87.874	30.837	57.037			
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						362.339	104.004	114.780	218.784	104.004	114.780	79.148	47.148	32.800	87.874	30.837	57.037			
1.1	Đầu tư CSHT xã, thôn bản ĐBK						23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	16.700	5.000	11.700	4.400	0	4.400			
*	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn và cầu Suối Xa, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động.	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	Chiều dài cầu 47,1m; chiều dài đường 580 m	2022-2024	Quyết định số 4152/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	16.700	5.000	11.700	4.400	-	4.400			



Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
								Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh										
1.2	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã					339.339	99.004	98.680	197.684	99.004	98.680	62.448	42.148	20.300	83.474	30.837	52.637		
1.2.1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	dài 7,1 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m	2022-2024	Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	32.500	10.646	11.200	21.846	10.646	11.200	16.646	10.646	6.000	5.200	-	5.200	
1.2.2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Long Sơn, huyện Sơn Động	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Long Sơn, huyện Sơn Động	dài 16,4 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m	2022-2024	Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	68.500	24.333	25.600	49.933	24.333	25.600	19.543	13.763	5.780	30.390	10.570	19.820	
1.2.3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã An Lạc, huyện Sơn Động	dài 12,5 km; rộng nền đường 7,5 m; chiều rộng mặt đường 7,0m;	2023-2025	Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	52.300	18.346	19.303	37.649	18.346	19.303	4.470	2.950	1.520	14.858	6.458	8.400	
1.2.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hưu Kiên, huyện Cai Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, dài 11,5 km	2023-2025	Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	83.000	17.489	16.100	33.589	17.489	16.100	3.789	2.789	1.000	15.000	6.500	8.500	
1.2.5	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+761.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60), huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, chiều dài tuyến 15,9 km	2022-2025	Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	93.000	24.181	22.260	46.441	24.181	22.260	12.800	8.800	4.000	15.000	6.500	8.500	
1.2.6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường xã Đông Vương đi xã Đông Tiến, huyện Yên Thế	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đông Vương, xã Đông Tiến, huyện Yên Thế	Dài 2.636 km, đường cấp V miền núi	2022-2024	Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	10.039	4.009	4.217	8.226	4.009	4.217	5.200	3.200	2.000	3.026	809	2.217	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					218.901	79.668	95.879	170.156	79.659	90.497	72.263	44.258	28.005	66.712	29.553	37.159		
1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số					218.901	79.668	95.879	170.156	79.659	90.497	72.263	44.258	28.005	66.712	29.553	37.159		
1.1	Đầu tư Trường PTDTBT, Trường PTĐNTN					218.901	79.668	95.879	170.156	79.659	90.497	72.263	44.258	28.005	66.712	29.553	37.159		



Stt	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
	Dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Đông, PTDTNT huyện Lục Ngạn theo chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	BQLDAĐT BQLDAĐT và CN tỉnh	Tổng DT sàn xây dựng và cải tạo khoảng 15.080m ² ; XD nhà 4 tầng, 8 phòng và nhà 4 tầng 16 phòng	2022-2025	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	58.388	18.000	40.388	53.006	18.000	35.006	16.326	10.320	6.006	20.114	6.346	13.768
1.1.2	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiện bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	BQLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiện bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	2022-2024	Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	26.000	7.884	7.095	14.979	7.884	7.095	11.879	6.879	5.000	3.100	1.005	2.095
1.1.3	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Yên Thế; Hạng mục: Phòng ở nội trú cho học sinh nội trú, công trình vệ sinh, nước sạch, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc, phòng học thông thường và phòng học bộ môn; các công trình phụ trợ (tường bao, lát sân...)	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Nhà lớp học 3 tầng, 16 phòng học; 26 phòng ăn; 01 phòng quần áo; 01 nhà sinh hoạt giáo dục dân tộc, nhà vệ sinh, các hạng mục phụ trợ	2022-2024	Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	33.562	12.828	11.545	24.373	12.828	11.545	15.099	6.100	8.999	9.274	6.728	2.546
1.1.4	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã An Lạc, huyện Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học, nhà ở bán trú học sinh và các công trình phụ trợ.	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Đông	Nhà 3 tầng, 18 phòng học thông thường, bộ môn; nhà 3 tầng 14 phòng ở cho học sinh bán trú; phòng công vụ giáo viên; công trình vệ sinh, công trình phụ trợ	2022-2024	Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	38.531	15.287	13.750	29.028	15.278	13.750	15.955	9.955	6.000	13.073	5.323	7.750
1.1.5	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Hộ Đáp; hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; Phòng chức năng 2 tầng; Bờ kè sân bán trú, lan can bờ sân, sân bê tông, vãnh lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh.	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	12 phòng ở cho học sinh bán trú, 9 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, nhà ăn, nhà bếp, nhà kho, các công trình phụ trợ	2023-2025	Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	25.000	10.155	9.139	19.294	10.155	9.139	8.004	7.004	1.000	9.151	3.151	6.000
1.1.6	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang. (Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học, nhà ở học sinh bán trú và các công trình phụ trợ)	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Đông	20 phòng ở cho học sinh bán trú, 20 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, 02 phòng quản lý học sinh, 01 nhà sinh hoạt, các công trình phụ trợ	2023-2025	Quyết định số 5310/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	37.420	15.514	13.962	29.476	15.514	13.962	5.000	4.000	1.000	12.000	7.000	5.000

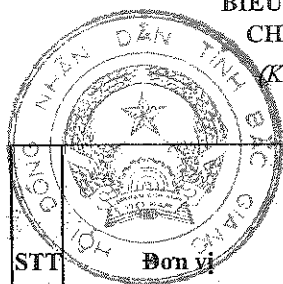
PHỤ LỤC III.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

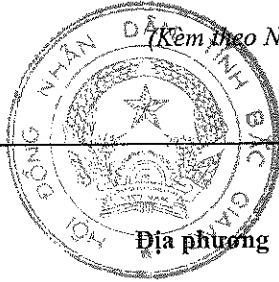
ĐVT: Triệu đồng



STT	Đơn vị	Tổng số xã phân bổ vốn	Kế hoạch xã phân đầu đạt chuẩn NTM, nâng cao, kiểu mẫu năm 2024				Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Xã duy trì tiêu chí	Đạt xã NTM	Đạt xã NTM nâng cao	Đạt xã NTM kiểu mẫu		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	96	73	5	12	6	308.038	248.038	60.000	
I	VỐN TRONG NƯỚC						279.665	219.665	60.000	
1	Huyện Sơn Động	3	1	2	0	0	5.600	0	5.600	
2	Huyện Lục Ngạn	10	7	1	2	0	37.038	31.838	5.200	
3	Huyện Lục Nam	6	5	0	1	0	32.651	31.851	800	
4	Huyện Yên Thế	9	5	2	1	1	62.130	54.730	7.400	
5	Huyện Lạng Giang	10	10	0	0	0	16.980	14.980	2.000	
6	Huyện Tân Yên	14	9	0	3	2	46.298	25.298	21.000	
7	Huyện Hiệp Hoà	14	12	0	1	1	42.258	37.658	4.600	
8	Huyện Yên Dũng	10	8	0	1	1	12.500	8.800	3.700	
9	Huyện Việt Yên	14	10	-	3	1	22.638	12.938	9.700	
10	UBND Thành phố Bắc Giang	6	6	-	-	-	1.572	1.572	0	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI						28.373	28.373	0	

Giao cho: UBND huyện Sơn Động

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

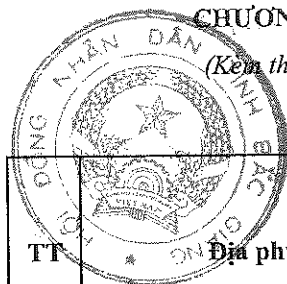
ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	5.600		5.600	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	5.000		5.000	
1	xã Dương Hưu	2.500		2.500	
2	xã Vĩnh An	2.500		2.500	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên truyền về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	600		600	
2	xã Dương Hưu	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Yên Định	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lục Ngạn

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

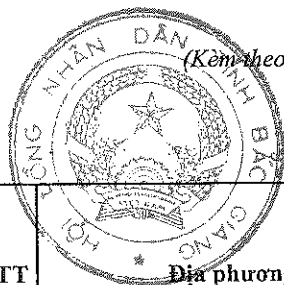
ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	37.038	31.838	5.200	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	36.338	31.838	4.500	
1	xã Kiên Lao	8.036	8.036		
2	xã Tân Lập	8.036	8.036		
3	xã Tân Sơn	2.500		2.500	
4	xã Giáp Sơn	4.352	3.352	1.000	
5	xã Nam Dương	1.262	262	1.000	
6	xã Hồng Giang	3.352	3.352		
7	xã Thanh Hải	262	262		
8	xã Trù Hựu	262	262		
9	xã Phượng Sơn	3.352	3.352		
10	xã Mỹ An	262	262		
11	xã Biển Động	3.352	3.352		
12	xã Phi Điền	1.310	1.310		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	700		700	
1	xã Kiên Lao	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Lập	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Mỹ An	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lục Nam

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	32.651	31.851	800	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	31.851	31.851		
I.1	UBND huyện Lục Nam	27.659	27.659		
I.2	UBND các xã	4.192	4.192		
1	xã Trường Giang	1.310	1.310		
2	xã Yên Sơn	1.310	1.310		
3	xã Vũ Xá	1.310	1.310		
4	xã Cẩm Lý	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	800		800	
1	xã Trường Giang	200		200	Thường xã đạt chuẩn NTM
2	xã Vô Tranh	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM
3	xã Lục Sơn	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Yên Thế

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	62.130	54.730	7.400	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	61.730	54.730	7.000	
1	xã Đông Sơn	8.036	8.036		
2	xã Tân Sỏi	8.036	8.036		
3	xã Tân Hiệp	17.036	14.536	2.500	
4	xã Đồng Hưu	17.036	14.536	2.500	
5	xã An Thượng	4.352	3.352	1.000	
6	xã Tam Hiệp	1.310	1.310		
7	xã Đồng Kỳ	1.310	1.310		
8	xã Hồng Kỳ	262	262		
9	xã Đồng Lạc	4.352	3.352	1.000	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	400		400	
1	xã Đông Sơn	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Sỏi	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lạng Giang

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	16.980	14.980	2.000	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	14.980	14.980		
1	xã Đào Mỹ	262	262		
2	xã Xương Lâm	262	262		
3	xã Thái Đào	262	262		
4	xã An Hà	262	262		
5	xã Mỹ Hà	3.352	3.352		
6	xã Tiên Lục	3.352	3.352		
7	xã Yên Mỹ	3.352	3.352		
8	xã Hương Lạc	3.352	3.352		
9	xã Nghĩa Hưng	262	262		
10	xã Tân Hưng	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	2.000		2.000	
1	Xã Đào Mỹ	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Xã Xương Lâm	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Thái Đào	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã An Hà	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	Xã Tân Hưng	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	Xã Nghĩa Hưng	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Tân Yên

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	46.298	25.298	21.000	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	44.698	25.298	19.400	
I.1	UBND huyện Tân Yên	13.400		13.400	
I.2	UBND các xã	31.298	25.298	6.000	
1	xã Liên Sơn	262	262		
2	xã Ngọc Lý	262	262		
3	xã Ngọc Vân	4.352	3.352	1.000	
4	xã Phúc Hòa	1.262	262	1.000	
5	xã Hợp Đức	1.262	262	1.000	
6	xã Cao Xá	4.352	3.352	1.000	
7	xã Việt Ngọc	4.352	3.352	1.000	
8	xã Ngọc Thiện	4.352	3.352	1.000	
9	xã Đại Hóa	3.352	3.352		
10	xã Quang Tiến	3.352	3.352		
11	xã Lan Giới	3.352	3.352		
12	xã Phúc Sơn	262	262		
13	xã Việt Lập	262	262		
14	xã Lam Cốt	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	1.600		1.600	
1	Xã Liên Sơn	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao



TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
2	Xã Lam Cốt	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Ngọc Lý	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã Ngọc Vân	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	xã Việt Lập	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Hiệp Hòa



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	42.258	37.658	4.600	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	41.658	37.658	4.000	
1	xã Hoàng Vân	4.352	3.352	1.000	
2	xã Xuân Cẩm	4.352	3.352	1.000	
3	xã Thường Thắng	4.352	3.352	1.000	
4	xã Danh Thắng	1.262	262	1.000	
5	xã Đồng Tân	3.352	3.352		
6	xã Thanh Vân	262	262		
7	xã Hoàng Lương	3.352	3.352		
8	xã Hoàng Thanh	3.352	3.352		
9	xã Hoàng An	3.352	3.352		
10	xã Hùng Sơn	262	262		
11	xã Thái Sơn	3.352	3.352		
12	xã Quang Minh	3.352	3.352		
13	xã Hòa Sơn	3.352	3.352		
14	xã Đại Thành	3.352	3.352		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	600		600	
1	xã Hoàng Vân	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Xuân Cẩm	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Yên Dũng



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	12.500	8.800	3.700	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	10.800	8.800	2.000	
1	xã Đồng Việt	262	262		
2	xã Trí Yên	262	262		
3	xã Lão Hộ	262	262		
4	xã Cảnh Thụy	262	262		
5	xã Lãng Sơn	262	262		
6	xã Tân Liễu	1.262	262	1.000	
7	xã Tư Mại	1.262	262	1.000	
8	xã Nội Hoàng	262	262		
9	xã Hương Gián	3.352	3.352		
10	xã Tiên Phong	3.352	3.352		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	1.700		1.700	
1	xã Đồng Việt	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Trí Yên	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	xã Lão Hộ	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	xã Cảnh Thụy	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Lãng Sơn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Việt Yên

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	22.638	12.938	9.700	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	19.938	12.938	7.000	
1	xã Ninh Sơn	262	262		
2	xã Tăng Tiến	262	262		
3	xã Thượng Lan	1.262	262	1.000	
4	xã Việt Tiến	262	262		
5	xã Quang Châu	1.262	262	1.000	
6	xã Tự Lạn	1.262	262	1.000	
7	xã Nghĩa Trung	262	262		
8	xã Trung Sơn	4.352	3.352	1.000	
9	xã Tiên Sơn	4.352	3.352	1.000	
10	xã Hương Mai	1.262	262	1.000	
11	xã Quảng Minh	262	262		
12	xã Hồng Thái	262	262		
13	xã Vân Trung	262	262		
14	xã Minh Đức	4.352	3.352	1.000	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	2.700		2.700	
1	xã Minh Đức	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Ninh Sơn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
3	xã Tăng Tiến	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
4	xã Thượng Lan	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Việt Tiến	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	xã Quang Châu	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
7	xã Tự Lạn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

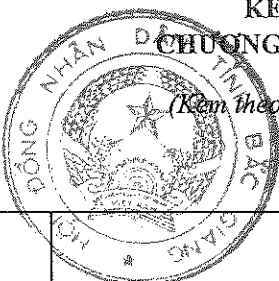
Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND Thành phố Bắc Giang

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	1.572	1.572		
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	1.572	1.572		
1	xã Tân Tiến	262	262		
2	xã Đồng Sơn	262	262		
3	xã Song Mai	262	262		
4	xã Dĩnh Trì	262	262		
5	xã Tân Mỹ	262	262		
6	xã Song Khê	262	262		

Ghi chú: HĐND Thành phố giao kế hoạch chi tiết

[illegible]

PHỤ LỤC III.2

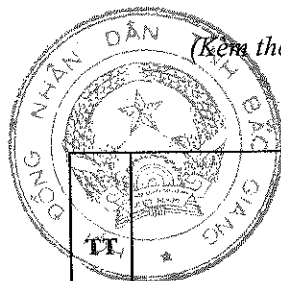
**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY
DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**

Biểu số 3C.4.1

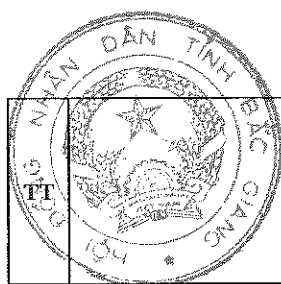
**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

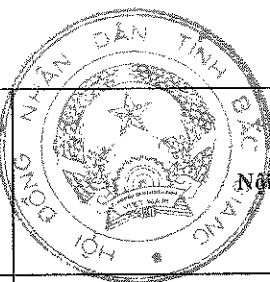
ĐVT: Triệu đồng



TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
TỔNG CỘNG			54.993
I	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá		4.800
1	Chi công tác quy hoạch	UBND huyện Lục Nam	4.800
II	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền		11.500
1	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông	11.500
III	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững		15.283
1	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	UBND huyện Yên Dũng; Lục Ngạn	2.500
2	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố	5.867
3	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT	216
4	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và PTNT	1.700
5	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.000
IV	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn		9.000
1	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.000



	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
V	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam		5.570
1	Chỉ giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	UBND huyện Hiệp Hòa; UBND huyện Yên Dũng; UBND huyện Lục Ngạn; UBND huyện Tân Yên; UBND huyện Yên Thế; UBND huyện Lục Nam	3.720
2	Chỉ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.850
VI	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới		223
1	Chỉ phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	Sở Tư pháp	223
VII	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM		1.809
1	Chỉ triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	Hội Nông dân tỉnh	490
2	Chỉ thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	Tỉnh đoàn Thanh niên	180
3	Chỉ vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh	1.139
VIII	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		1.332
1	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Công an tỉnh	1.332
IX	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.		5.476



TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
1	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	Văn phòng Điều phối nông thôn mới; UBND các huyện, thành phố	1.650
2	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	Cục Thống kê tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.521
3	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.305

Biểu số 3C.4.2

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

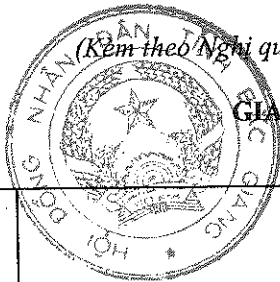
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	14.000	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	5.000	
	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	5.000	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	9.000	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	9.000	

TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	11.500	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	11.500	
	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	11.500	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

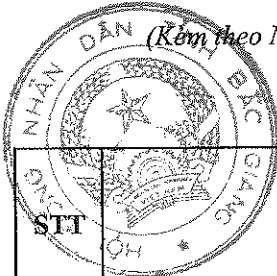
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	6.433	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	4.583	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	3.867	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	216	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	500	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1.850	
	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	1.850	

TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ TƯ PHÁP

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	223	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	223	
	Chi phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	223	

Biểu số 3C.4.6

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: CÔNG AN TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.332	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.332	
	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.332	

Biểu số 3C.4.7

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



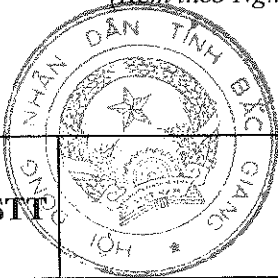
GIAO CHO: CỤC THỐNG KÊ TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	70	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	70	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	70	

TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



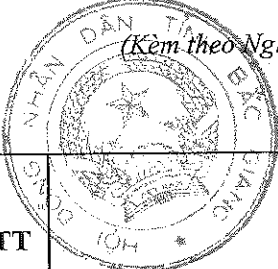
GIAO CHO: SỞ CÔNG THƯƠNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.200	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	1.200	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	1.200	

Biểu số 3C.4.9

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.139	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	1.139	
	Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	1.139	

Biểu số 3C.4.10

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



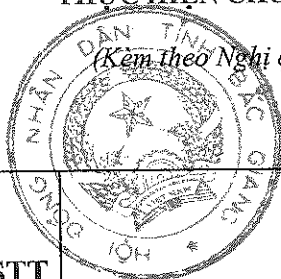
GIAO CHO: HỘI NÔNG DÂN TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	490	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	490	
	Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	490	

Biểu số 3C.4.11

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

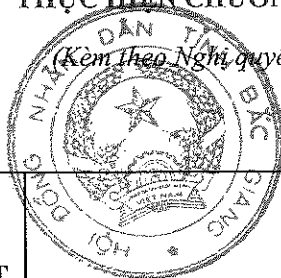
GIAO CHO: HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	351	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	351	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	351	

Biểu số 3C.4.12

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

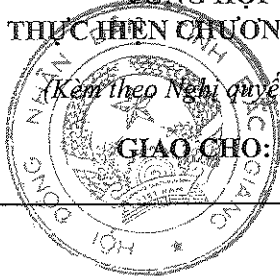
GIAO CHO: TỈNH ĐOÀN

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	180	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	180	
	Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	180	

Biểu số 3C.4.13

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	4.055	
1	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	4.055	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	650	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	1.100	
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	2.305	

Biểu số 3C.4.14

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	5.220	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	4.800	
	Chi công tác quy hoạch	4.800	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	120	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	120	
4	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.15

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



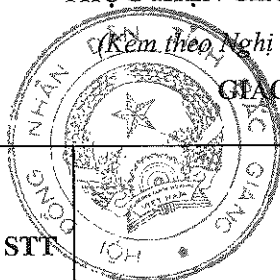
CHIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.620	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1320	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông-thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	1.320	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.16

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

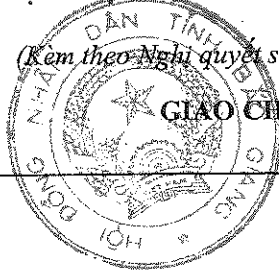
ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	540	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	240	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	240	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.19

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

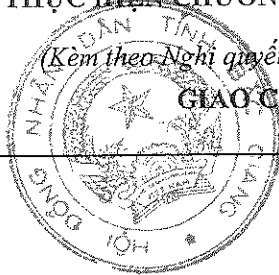


GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	980	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	700	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	500	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	180	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	180	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



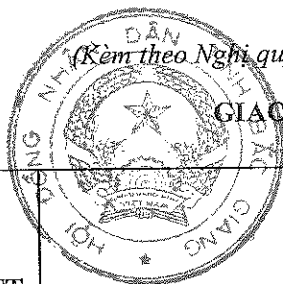
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	3.200	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	2.200	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	2.000	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	900	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	900	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



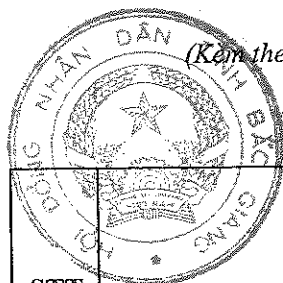
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.260	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	960	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	960	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

PHỤ LỤC III.1

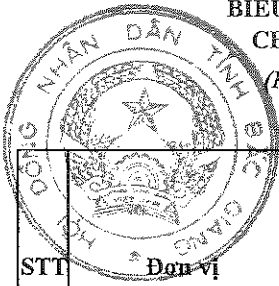
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

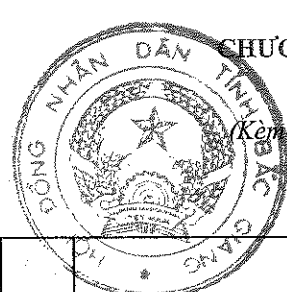
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Đơn vị	Tổng số xã phân bổ vốn	Kế hoạch xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, nâng cao, kiểu mẫu năm 2024				Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Xã duy trì tiêu chí	Đạt xã NTM	Đạt xã NTM nâng cao	Đạt xã NTM kiểu mẫu		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	96	73	5	12	6	308.038	248.038	60.000	
I	VỐN TRONG NƯỚC						279.665	219.665	60.000	
1	Huyện Sơn Động	3	1	2	0	0	5.600	0	5.600	
2	Huyện Lục Ngạn	10	7	1	2	0	37.038	31.838	5.200	
3	Huyện Lục Nam	6	5	0	1	0	32.651	31.851	800	
4	Huyện Yên Thế	9	5	2	1	1	62.130	54.730	7.400	
5	Huyện Lạng Giang	10	10	0	0	0	16.980	14.980	2.000	
6	Huyện Tân Yên	14	9	0	3	2	46.298	25.298	21.000	
7	Huyện Hiệp Hoà	14	12	0	1	1	42.258	37.658	4.600	
8	Huyện Yên Dũng	10	8	0	1	1	12.500	8.800	3.700	
9	Huyện Việt Yên	14	10	-	3	1	22.638	12.938	9.700	
10	UBND Thành phố Bắc Giang	6	6	-	-	-	1.572	1.572	0	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI						28.373	28.373	0	

Giao cho: UBND huyện Sơn Động



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	5.600		5.600	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	5.000		5.000	
1	xã Dương Hưu	2.500		2.500	
2	xã Vĩnh An	2.500		2.500	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên truyền về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	600		600	
2	xã Dương Hưu	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Yên Định	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

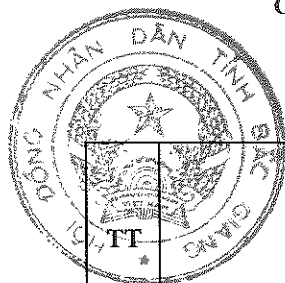
Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lục Ngạn

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

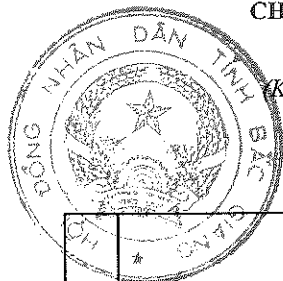


TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	37.038	31.838	5.200	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	36.338	31.838	4.500	
1	xã Kiên Lao	8.036	8.036		
2	xã Tân Lập	8.036	8.036		
3	xã Tân Sơn	2.500		2.500	
4	xã Giáp Sơn	4.352	3.352	1.000	
5	xã Nam Dương	1.262	262	1.000	
6	xã Hồng Giang	3.352	3.352		
7	xã Thanh Hải	262	262		
8	xã Trù Hựu	262	262		
9	xã Phượng Sơn	3.352	3.352		
10	xã Mỹ An	262	262		
11	xã Biển Động	3.352	3.352		
12	xã Phi Điền	1.310	1.310		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	700		700	
1	xã Kiên Lao	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Lập	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Mỹ An	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lục Nam

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

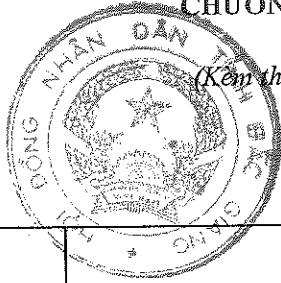
TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	32.651	31.851	800	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	31.851	31.851		
I.1	UBND huyện Lục Nam	27.659	27.659		
I.2	UBND các xã	4.192	4.192		
1	xã Trường Giang	1.310	1.310		
2	xã Yên Sơn	1.310	1.310		
3	xã Vũ Xá	1.310	1.310		
4	xã Cẩm Lý	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	800		800	
1	xã Trường Giang	200		200	Thường xã đạt chuẩn NTM
2	xã Vô Tranh	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM
3	xã Lục Sơn	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Yên Thế

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	62.130	54.730	7.400	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	61.730	54.730	7.000	
1	xã Đông Sơn	8.036	8.036		
2	xã Tân Sỏi	8.036	8.036		
3	xã Tân Hiệp	17.036	14.536	2.500	
4	xã Đồng Hưu	17.036	14.536	2.500	
5	xã An Thượng	4.352	3.352	1.000	
6	xã Tam Hiệp	1.310	1.310		
7	xã Đồng Kỳ	1.310	1.310		
8	xã Hồng Kỳ	262	262		
9	xã Đồng Lạc	4.352	3.352	1.000	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	400		400	
1	xã Đông Sơn	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Sỏi	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Lạng Giang

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	16.980	14.980	2.000	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	14.980	14.980		
1	xã Đào Mỹ	262	262		
2	xã Xương Lâm	262	262		
3	xã Thái Đào	262	262		
4	xã An Hà	262	262		
5	xã Mỹ Hà	3.352	3.352		
6	xã Tiên Lục	3.352	3.352		
7	xã Yên Mỹ	3.352	3.352		
8	xã Hương Lạc	3.352	3.352		
9	xã Nghĩa Hưng	262	262		
10	xã Tân Hưng	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	2.000		2.000	
1	Xã Đào Mỹ	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Xã Xương Lâm	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Thái Đào	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã An Hà	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	Xã Tân Hưng	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	Xã Nghĩa Hưng	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

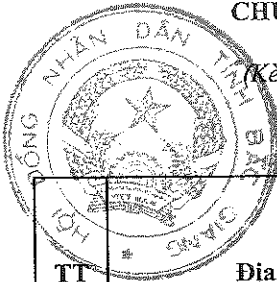
Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Tân Yên

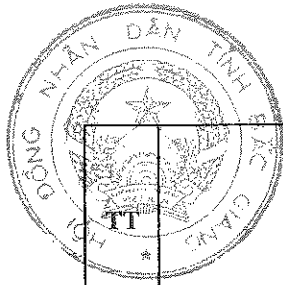
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



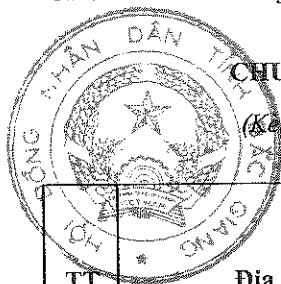
TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	46.298	25.298	21.000	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	44.698	25.298	19.400	
I.1	UBND huyện Tân Yên	13.400		13.400	
I.2	UBND các xã	31.298	25.298	6.000	
1	xã Liên Sơn	262	262		
2	xã Ngọc Lý	262	262		
3	xã Ngọc Vân	4.352	3.352	1.000	
4	xã Phúc Hòa	1.262	262	1.000	
5	xã Hợp Đức	1.262	262	1.000	
6	xã Cao Xá	4.352	3.352	1.000	
7	xã Việt Ngọc	4.352	3.352	1.000	
8	xã Ngọc Thiện	4.352	3.352	1.000	
9	xã Đại Hóa	3.352	3.352		
10	xã Quang Tiến	3.352	3.352		
11	xã Lan Giới	3.352	3.352		
12	xã Phúc Sơn	262	262		
13	xã Việt Lập	262	262		
14	xã Lam Cốt	262	262		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	1.600		1.600	
1	Xã Liên Sơn	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao



	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
2	Xã Lam Cốt	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Ngọc Lý	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã Ngọc Vân	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	xã Việt Lập	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Hiệp Hòa



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

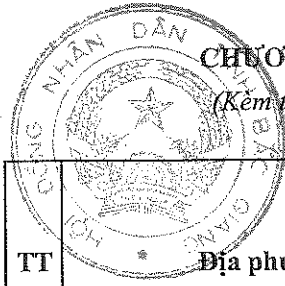
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	42.258	37.658	4.600	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	41.658	37.658	4.000	
1	xã Hoàng Vân	4.352	3.352	1.000	
2	xã Xuân Cẩm	4.352	3.352	1.000	
3	xã Thường Thắng	4.352	3.352	1.000	
4	xã Danh Thắng	1.262	262	1.000	
5	xã Đồng Tân	3.352	3.352		
6	xã Thanh Vân	262	262		
7	xã Hoàng Lương	3.352	3.352		
8	xã Hoàng Thanh	3.352	3.352		
9	xã Hoàng An	3.352	3.352		
10	xã Hùng Sơn	262	262		
11	xã Thái Sơn	3.352	3.352		
12	xã Quang Minh	3.352	3.352		
13	xã Hòa Sơn	3.352	3.352		
14	xã Đại Thành	3.352	3.352		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	600		600	
1	xã Hoàng Vân	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Xuân Cẩm	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Yên Dũng



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	12.500	8.800	3.700	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	10.800	8.800	2.000	
1	xã Đồng Việt	262	262		
2	xã Trí Yên	262	262		
3	xã Lão Hộ	262	262		
4	xã Cảnh Thụy	262	262		
5	xã Lãng Sơn	262	262		
6	xã Tân Liễu	1.262	262	1.000	
7	xã Tư Mại	1.262	262	1.000	
8	xã Nội Hoàng	262	262		
9	xã Hương Gián	3.352	3.352		
10	xã Tiên Phong	3.352	3.352		
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	1.700		1.700	
1	xã Đồng Việt	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Trí Yên	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	xã Lão Hộ	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	xã Cảnh Thụy	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Lãng Sơn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND huyện Việt Yên

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	22.638	12.938	9.700	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	19.938	12.938	7.000	
1	xã Ninh Sơn	262	262		
2	xã Tăng Tiến	262	262		
3	xã Thượng Lan	1.262	262	1.000	
4	xã Việt Tiến	262	262		
5	xã Quang Châu	1.262	262	1.000	
6	xã Tự Lạn	1.262	262	1.000	
7	xã Nghĩa Trung	262	262		
8	xã Trung Sơn	4.352	3.352	1.000	
9	xã Tiên Sơn	4.352	3.352	1.000	
10	xã Hương Mai	1.262	262	1.000	
11	xã Quảng Minh	262	262		
12	xã Hồng Thái	262	262		
13	xã Vân Trung	262	262		
14	xã Minh Đức	4.352	3.352	1.000	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	2.700		2.700	
1	xã Minh Đức	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Ninh Sơn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
3	xã Tăng Tiến	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
4	xã Thượng Lan	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Việt Tiến	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	xã Quang Châu	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
7	xã Tự Lạn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

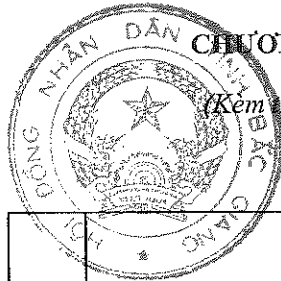
Ghi chú: HĐND huyện giao kế hoạch chi tiết

Giao cho: UBND Thành phố Bắc Giang

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	1.572	1.572		
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	1.572	1.572		
1	xã Tân Tiến	262	262		
2	xã Đồng Sơn	262	262		
3	xã Song Mai	262	262		
4	xã Đình Trì	262	262		
5	xã Tân Mỹ	262	262		
6	xã Song Khê	262	262		

Ghi chú: HĐND Thành phố giao kế hoạch chi tiết

PHỤ LỤC III.2

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY
DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**

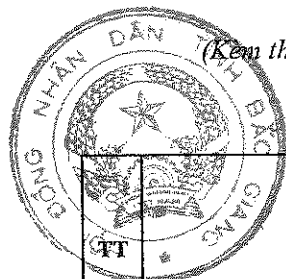


Biểu số 3C.4.1

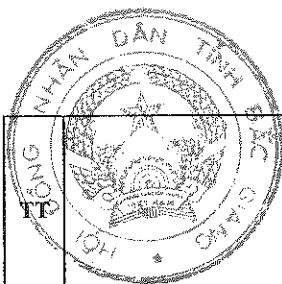
**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

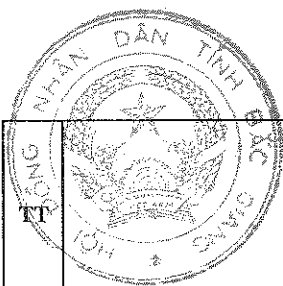
ĐVT: Triệu đồng



Nội dung thực hiện		Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
TỔNG CỘNG			54.993
I	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá		4.800
1	Chi công tác quy hoạch	UBND huyện Lục Nam	4.800
II	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền		11.500
1	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông	11.500
III	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững		15.283
1	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	UBND huyện Yên Dũng; Lục Ngạn	2.500
2	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố	5.867
3	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT	216
4	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và PTNT	1.700
5	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.000
IV	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn		9.000
1	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.000



TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
V	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam		5.570
1	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	UBND huyện Hiệp Hòa; UBND huyện Yên Dũng; UBND huyện Lục Ngạn; UBND huyện Tân Yên; UBND huyện Yên Thế; UBND huyện Lục Nam	3.720
2	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.850
VI	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới		223
1	Chi phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	Sở Tư pháp	223
VII	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM		1.809
1	Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	Hội Nông dân tỉnh	490
2	Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	Tỉnh đoàn Thanh niên	180
3	Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh	1.139
VIII	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		1.332
1	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Công an tỉnh	1.332
IX	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.		5.476



TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
1	Chỉ nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	Văn phòng Điều phối nông thôn mới; UBND các huyện, thành phố	1.650
2	Chỉ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	Cục Thống kê tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.521
3	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.305

Biểu số 3C.4.2

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	14.000	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	5.000	
	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	5.000	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	9.000	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	9.000	

Biểu số 3C.4.3

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

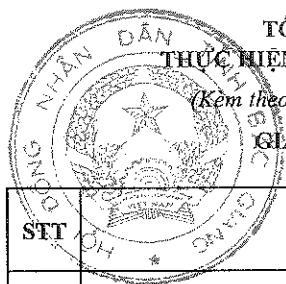


(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	11.500	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	11.500	
	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	11.500	



**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	6.433	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	4.583	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	3.867	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	216	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	500	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1.850	
	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	1.850	

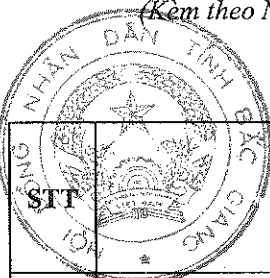
Biểu số 3C.4.5

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: SỞ TƯ PHÁP

ĐVT: Triệu đồng

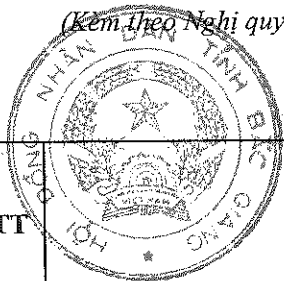


STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	223	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	223	
	Chi phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	223	

Biểu số 3C.4.6

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



GIAO CHO: CÔNG AN TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.332	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.332	
	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.332	

Biểu số 3C.4.7

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

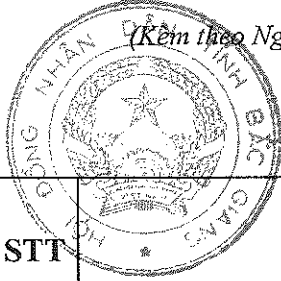
GIAO CHO: CỤC THỐNG KÊ TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	70	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	70	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	70	

Biểu số 3C.4.8

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

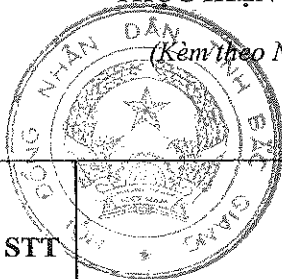
GIAO CHO: SỞ CÔNG THƯƠNG

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.200	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	1.200	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	1.200	

Biểu số 3C.4.9

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.139	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	1.139	
	Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	1.139	

Biểu số 3C.4.10

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: HỘI NÔNG DÂN TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	490	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	490	
	Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	490	

Biểu số 3C.4.11

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

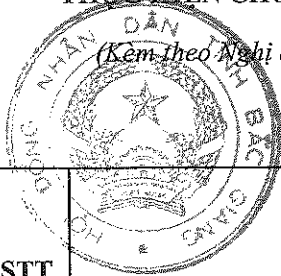
GIAO CHO: HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	351	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	351	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	351	

Biểu số 3C.4.12

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

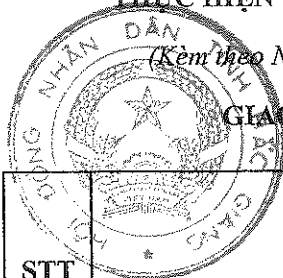
GIAO CHO: TỈNH ĐOÀN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	180	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	180	
	Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	180	

Biểu số 3C.4.13

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH

ĐVT: Triệu đồng

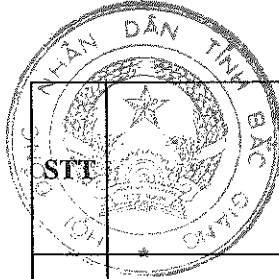
STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	4.055	
1	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	4.055	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	650	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	1.100	
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	2.305	

Biểu số 3C.4.14

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

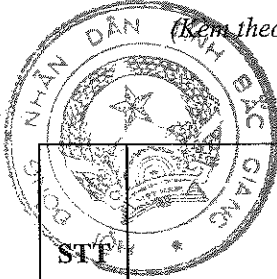
DVT: Triệu đồng



STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	5.220	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	4.800	
	Chi công tác quy hoạch	4.800	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	120	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	120	
4	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.15

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.620	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1320	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	1.320	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.16

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.17

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

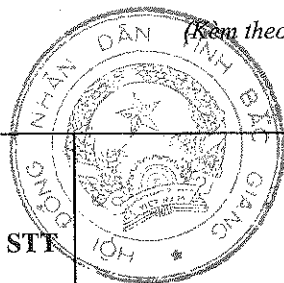
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	540	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	240	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	240	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.19

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

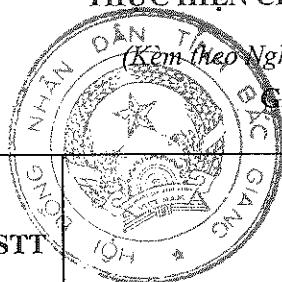
GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Biểu số 3C.4.20

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



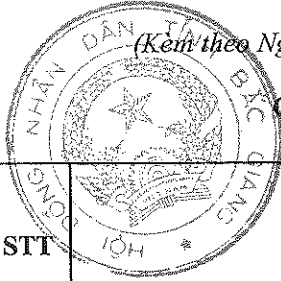
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	980	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	700	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	500	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	180	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	180	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



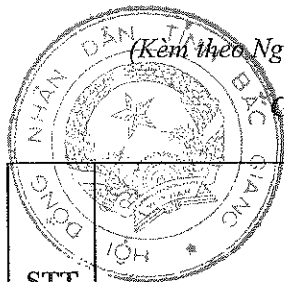
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	3.200	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	2.200	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	2.000	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	900	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	900	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**



(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	1.260	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	960	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	960	
3	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

GIÁO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	300	
1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	